

KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Technological and Scientific Review

Số (4) 17 - 2010



TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG



Chịu trách nhiệm xuất bản:
TS. LÊ QUANG KHÔI
Giám đốc NXB Nông nghiệp

Chịu trách nhiệm nội dung:
PGS.TS. CAO VĂN
Hiệu trưởng
Trường Đại học Hùng Vương

Trưởng ban biên tập:
PGS. TS. Phùng Quốc Việt
Phó Hiệu trưởng
Phó ban biên tập:
NB. TS. Phí Văn Kỹ
Th.S. Nguyễn Nhật Đăng

Ban biên tập:

- ThS. Nguyễn Quang Tiến
- PGS.TS. Lê Quốc Doanh
- ThS. Nguyễn Văn Hùng
- ThS. Hoàng Công Kiên
- TS. Phạm Tuấn Anh
- ThS. Nguyễn Văn Hưng
- ThS. Đỗ Khắc Thanh
- Lê Lân
- ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh
- ThS. Đào Hà Vĩnh
- ThS. Nguyễn Ngọc Minh Tuấn

MỤC LỤC

SỰ KIỆN - VẤN ĐỀ

- 10 vấn đề giáo dục nổi bật 2010 3
- 36 đại học có thể phải rời nội thành Hà Nội và TP. HCM 6
- GS Ngô Bảo Châu được tôn vinh giải thưởng “Nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu” 7
- Hạ Anh.** Bắt tay với ĐH top Mỹ, xây ước mơ đoạt Nobel 8
- Phan Anh.** Nhật Bản: Thiệt hại 235 tỉ USD 9
- BT Phạm Vũ Luận: Tăng cường hậu kiểm sau tuyển sinh 10
- Quách Sinh.** Lễ hội Đèn Hùng năm 2011: Tôn vinh các giá trị văn hoá 11
- Hoàng Thùy.** Ngày 18/2 quyết định phương án tuyển sinh đại học 2011 12
- Hiệu trưởng trường Đại học Hùng Vương được trao tặng huân chương lao động và danh hiệu nhà giáo ưu tú 13

KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

- Triệu Hồng.** Bác Hồ học và sử dụng ngoại ngữ suốt đời 14
- Ths. Nguyễn Xuân Huy.** Một số vấn đề về phê bình văn học miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 của Vũ Hạnh 20
- Ths. Phan Thị Tình.** Tăng cường các bài toán có nội dung thực tiễn trong giảng dạy toán cơ bản cho sinh viên toán ở trường sư phạm 25
- Nguyễn Thanh Đình, Nguyễn Long Tuyên, Nguyễn Thị Thanh Vân, Trịnh Thị Huế, Vũ Thị Khánh Thu, Nguyễn Quang Đông.** Các hạt nano đồng chế tạo trong một số dung môi hữu cơ bằng phương pháp ăn mòn laser 29
- Phạm Văn Hào, Nguyễn Văn Nghĩa, Nguyễn Văn Dũng.** Nghiên cứu và chế tạo dây hai lớp hệ thủy tinh/cop có hiệu ứng từ tổng trở khổng lồ (giant magneto impedance - gmi) bằng phương pháp mạ hóa học 34
- Ths. Đỗ Ngọc Sơn, Ths. Phạm Thái Thủy, Ths. Lê Thị Thanh Thủy, CN. Vũ Huyền Trang, Ths. Nguyễn Hữu Cung.** Giải pháp thúc đẩy đăng ký thương hiệu cho một số sản phẩm nông nghiệp đặc sản trên địa bàn tỉnh Phú Thọ 37
- Nguyễn Thị Thịnh, Nguyễn Duy Thế.** Thực trạng và giải pháp sử dụng nguồn lao động khu vực nông thôn thị xã Phú Thọ 42

Ths. Nguyễn Ngọc Quỳnh, Ths. Nguyễn Tài Luyện, Ths. Nguyễn Đắc Triển. Kết quả điều tra sâu bệnh hại chính các loài bạch đàn và keo trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	45
Trần Trung Kiên, Hà Quế Cường, Nguyễn Thị Thanh Hương. Nghiên cứu khả năng kháng khuẩn của các hợp chất thiên nhiên có hoạt tính sinh học từ hai loài thực vật ba đậu (croton tiglium l.) và khổ sâm (Croton Tonkinensis Gragnep.) trên địa bàn tỉnh Phú Thọ	51
Trương Thị Thu Trang, Nguyễn Văn Quang, Nguyễn Thị Kim Lan, Trịnh Thị Quý. Tình hình nhiễm giun đũa ở lợn nuôi tại một số địa phương thuộc tỉnh Thái Nguyên	54
ThS. Phạm Thanh Loan. Tìm hiểu kiến thức bản địa về sử dụng thực vật cho lâm sản ngoài gỗ trong một số bài thuốc của dân tộc Dao tại vườn quốc gia Xuân Sơn, tỉnh Phú Thọ	58
Ths. Vũ Thị Quỳnh Dung. Một số biện pháp tăng cường vốn từ vựng cho sinh viên hệ không chuyên tiếng anh trường đại học Hùng Vương	61
Ths. Đỗ Thị Kim. Hoạt động giáo dục dinh dưỡng trong công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em	65
Ths. Lê Thị Xuân Thu. Biện pháp rèn kỹ năng nghiên cứu khoa học giáo dục cho sinh viên	68

TIN TỨC

TS. Nguyễn Danh Bình. Từ quốc lễ giỗ Tổ Hùng Vương nghĩ về sự trường tồn của dân tộc	72
Hiếu Nguyễn. Dự thảo Nghị định về chế độ phụ cấp thâm niên đối với nhà giáo: Nhà giáo công tác đủ 5 năm bắt đầu được hưởng phụ cấp thâm niên	73
Lam Sơn. Đúc trống đồng dâng Vua Hùng	74
Hội nghị quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Phú Thọ lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2010 – 2015	74
Hội nghị công tác đào tạo đại học hệ vừa làm vừa học, liên thông và trung cấp sư phạm năm học 2010 – 2011	75
Khai giảng lớp khuyến nông tại trường Đại học Hùng Vương - Phú Thọ	76
Sẽ xây dựng khu ĐH tập trung theo 'BA CHUNG'?	77
Trường Đại học Hùng Vương tham gia sàn giao dịch việc làm lần thứ IV	79
Thông báo tuyển sinh đào tạo thạc sỹ công nghệ thông tin năm 2011	80
Đào tạo theo phương pháp "Project-based-training"	80

Ảnh bìa 1: Ngày Nhà giáo VN 20-11-2010 của Trường Đại học Hùng Vương Phú Thọ
 Chế bản và trình bày: Minh Thu
 In 600 cuốn, khổ 20.5x29.5cm tại xưởng in NXB Văn hóa dân tộc
 Giấy chấp nhận đăng ký kế hoạch xuất bản số: 198-2010/CXB/401-05/NN
 In xong và nộp lưu chiểu quý I/2011

10 VẤN ĐỀ GIÁO DỤC NỔI BẬT 2010

Năm 2010 là một năm đáng nhớ của ngành giáo dục với nhiều sự kiện trọng đại gây tiếng vang lớn trên thế giới; nhiều chương trình, đề án được Chính phủ phê duyệt nhằm tập trung nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng quốc tế hóa... Xin điểm lại 10 vấn đề giáo dục nổi bật trong năm 2010.

1. Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010-2020

Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển Toán học giai đoạn 2010-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt với tổng kinh phí đầu tư 651 tỷ đồng nhằm đưa Việt Nam lên hàng thứ 40 thế giới về Toán học.

Chương trình đề ra mục tiêu cụ thể đến năm 2020 có đủ đội ngũ giảng viên Toán có trình độ ở các trường đại học, cao đẳng, trong đó trên 70% giảng viên ở các trường đại học lớn có bằng tiến sĩ. Bên cạnh đó, xây dựng Viện Toán học và 1-2 khoa Toán ở các trường đại học lớn trở thành trung tâm nghiên cứu và đào tạo Toán của khu vực.

Trong 7 nội dung và giải pháp thực hiện chương trình trọng điểm được đưa ra, trong đó, giải pháp đầu tiên là xây dựng "Viện Nghiên cứu cấp cao về Toán". Đây sẽ là một cơ sở hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu và đào tạo đỉnh cao về Toán học cho các giảng viên đại học, các nhà toán học, các tân tiến sĩ, các nghiên cứu sinh đến thực hiện các ý tưởng, các đề tài nghiên cứu toán học xuất sắc, có ý nghĩa khoa học và ứng dụng cao.

Bên cạnh đó, hoàn thiện lại hệ thống các lớp chuyên Toán theo chủ trương mới của Bộ GD-ĐT, thi học sinh giỏi, cấp học bổng, ưu tiên tuyển chọn vào đại học, đào tạo giáo viên. Khuyến khích giảng viên Toán ở các trường đại học đẩy mạnh công tác nghiên cứu.

2. Đại hội đại biểu Khuyến học toàn quốc lần thứ IV

Ngày 29/9, tại Hà Nội, Hội Khuyến học Việt Nam long trọng tổ chức Đại hội đại biểu Khuyến học toàn quốc lần thứ IV nhiệm kỳ 2010 - 2015.



Đội tuyển thi Olympic Toán quốc tế IMO 2010

Chủ tịch Hội Khuyến học Việt Nam Nguyễn Mạnh Cẩm cho biết, 14 năm xây dựng và phát triển, 14 năm phấn đấu không mệt mỏi với tâm huyết và ý thức trách nhiệm cao, Hội đã thực sự trở thành một tổ chức xã hội đặc thù, một tổ chức quần chúng sâu rộng có mặt tại 100% tỉnh, thành, huyện, thị, xã, phường và nhanh chóng lan tỏa xuống tận thôn, làng, bản, tổ dân phố, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, đơn vị lực lượng vũ trang... với hơn 200.000 chi hội và hàng nghìn cụm dân cư khuyến học. Tổng số hội viên hiện lên tới hơn 7,5 triệu người; 3,5 triệu gia đình được công nhận là "gia đình hiếu học, khoảng 4 vạn dòng họ được công nhận là "dòng họ hiếu học" và hàng vạn cụm dân cư khuyến học được xây dựng.

Đặc biệt, Hội đã phối hợp với ngành giáo dục xây dựng được hơn 9.600 Trung tâm Học tập cộng đồng, chiếm hơn 90% tổng số xã, phường trong cả nước - một thiết chế giáo dục cộng đồng, cơ sở học tập thường xuyên ngoài xã hội cho người lớn.

Đặc biệt trong năm 2010, Thủ tướng Chính



Phó Thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân trao Huân chương Lao động hạng nhất cho Hội Khuyến học Việt Nam tại Đại hội đại biểu Khuyến học toàn quốc lần thứ IV.



Bà Pratibha Patil - Tổng thống Ấn Độ trao huy chương Fields - giải thưởng toán học cao quý nhất thế giới cho GS Ngô Bảo Châu.

phủ đã phê duyệt Hội Khuyến học Việt Nam trở thành Hội đặc thù, có biên chế hoạt động riêng.

3. Lần đầu tiên Việt Nam đoạt giải thưởng toán học Fields

Ngày 19/8/2010, tại lễ khai mạc Đại hội Toán học thế giới tổ chức ở Hyderabad, Ấn Độ, huy chương Fields - giải thưởng cao quý nhất trong lĩnh vực toán học - đã được trao cho GS Ngô Bảo Châu. Trong lịch sử hơn 70 năm của giải thưởng Fields, đây là lần đầu tiên một người có quốc tịch Việt Nam đoạt giải thưởng này. GS Ngô Bảo Châu đã dành toàn bộ phần thưởng bằng tiền của giải thưởng Fields cho Quỹ Khuyến học "Vì tinh thần hiếu học" - Quỹ được xây dựng theo sáng kiến của GS Ngô Bảo Châu.

GS Lê Tuấn Hoa, Phó Viện trưởng Viện Toán học Việt Nam, khẳng định: "Giải thưởng Fields mà GS Ngô Bảo Châu đạt được không chỉ có ý nghĩa ở Việt Nam mà còn có ý nghĩa lớn trong khu vực và thế giới. Việt Nam là một đất nước nghèo, không có truyền thống về khoa học, về Toán lại được giải thưởng Fields. Nó đã chứng minh, nếu có cách làm đúng thì những người từ vùng lạc hậu như đất nước chúng ta cũng có thể đạt được đỉnh cao trong khoa học. Đó là ý nghĩa sâu sắc đối với quốc tế".

4. Năm 2011, bắt đầu thực hiện thí điểm dạy học môn Toán, Tin bằng tiếng Anh

Theo kế hoạch triển khai đề án dạy học ngoại ngữ ở bậc trung học do Bộ GD-ĐT công bố tháng 12/2010, sẽ bắt đầu thực hiện thí điểm dạy học bằng tiếng Anh trong năm học 2011- 2012 để đến năm 2020 mở rộng quy mô các trường thực hiện dạy học ngoại ngữ theo chương trình của Bộ GD-ĐT.

Chương trình này sẽ liên thông giữa các bậc học, tiến tới triển khai dạy bằng tiếng Anh với một số môn khoa học ở các trường THPT chuyên (Toán, Vật lý, Tin học...).

Việc từ năm 2011, học sinh trường chuyên học môn Toán, Tin bằng tiếng Anh đã thu hút nhiều ý kiến của các giáo viên, học sinh và người dân. Nhiều ý kiến chung quan điểm rằng việc dạy và học ngoại ngữ trong trường học, trong đó có cả các trường chuyên hiện còn yếu. Đồng thời, chính các giáo viên Toán, Tin cũng khó đáp ứng được yêu cầu dạy bộ môn này bằng tiếng Anh. Vì vậy, đa số ý kiến cho rằng khó có thể triển khai việc dạy và học toán, tin bằng tiếng Anh trong năm học 2011 - 2012.

5. Thủ tướng phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi

Năm 2010, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi giai đoạn 2010-2015.

Mục tiêu chung của Đề án là bảo đảm hầu hết trẻ em 5 tuổi ở mọi vùng miền được đến lớp để thực hiện chăm sóc, giáo dục 2 buổi/ngày, đủ 1 năm học, nhằm chuẩn bị tốt về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ, tiếng Việt và tâm sinh lý sẵn sàng đi học, bảo đảm chất lượng trẻ em vào lớp 1.

Cụ thể, sẽ củng cố, mở rộng mạng lưới trường, lớp bảo đảm đến năm 2015 có 95% số trẻ em trong độ tuổi 5 tuổi được học 2 buổi/ngày. Nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục đối với các lớp mầm non 5 tuổi, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, phấn đấu đến năm 2015 có 100% trẻ tại các cơ sở giáo dục mầm non được học Chương trình giáo dục mầm non mới, chuẩn bị tốt tâm thế cho trẻ vào học lớp 1.

Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi cho các lớp mầm non 5 tuổi ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Xây dựng trường mầm non đạt chuẩn quốc gia tại các huyện nghèo làm mô hình mẫu và là nơi tập huấn, trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn nghiệp vụ giáo dục. Đưa số tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi từ 55% năm 2010 lên 85% năm 2012 và 100% vào năm 2015...

6. Đà Nẵng nói “không” với sinh viên tại chức

Tại kỳ họp thứ 17 hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng khóa VII diễn ra từ ngày 1-3/12/2010, Sở Nội vụ TP Đà Nẵng có tờ trình về kế hoạch biên chế hành chính sự nghiệp. Theo đó, từ năm 2011, TP Đà Nẵng sẽ không tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp đại học hệ tại chức vào làm việc trong cơ quan nhà nước của TP. Công bố này của Đà Nẵng thu hút sự quan tâm của nhiều tầng lớp nhân dân cũng như tạo nhiều diễn đàn tranh luận của các chuyên gia giáo dục. Các ý kiến xung quanh quyết định này của Đà Nẵng có thể chia làm 2 nhóm chính: nhóm một ủng hộ và hoan nghênh quyết định dừng cầm của Đà Nẵng; nhóm thứ hai cho rằng đây là sự kỳ thị với các sinh viên tốt nghiệp đại học hệ tại chức, điều quan trọng là năng lực của người học chứ không phải ở tấm bằng. Nhìn chung các ý kiến đều thống nhất rằng cần có kỳ thi sát hạch năng lực nghiêm túc để chọn ra những người có năng lực khi tuyển dụng nhân sự.

7. Đề án 2.300 tỷ đồng phát triển trường chuyên

Đề án Phát triển hệ thống trường THPT chuyên giai đoạn 2010 - 2020 với tổng số kinh phí hơn 2.300 tỷ đồng vừa được Bộ GD-ĐT khởi động thực hiện. Tuy nhiên, nhiều nhà giáo bày tỏ băn khoăn về đề án này, cho rằng đây là sự đầu tư chưa công bằng: số lượng trường chuyên chiếm con số rất ít trong hệ thống các trường THPT, trong khi đó nhiều trường ở vùng sâu, vùng xa hiện nay rất khó khăn.

8. Nan giải việc di dời các trường ĐH, CĐ ra ngoại thành

Trong cuộc họp bàn về xây hệ thống trường ĐH, CĐ vào đầu tháng 12/2010, đa số hiệu trưởng các trường tán đồng việc cần thiết di dời các trường ra ngoại thành để nâng cao chất lượng đào tạo và giảm tải cho giao thông thành phố. Tuy vậy, để thực hiện việc này thì còn nhiều vướng mắc, trong đó có những khó khăn về kinh phí, thủ tục xây dựng... Thứ trưởng Bộ GD-ĐT Bùi Văn

Ga cho biết việc di dời các trường ra ngoại thành là không thể không làm vì quyết định di dời các trường ra ngoại thành không phải vì quá tải cơ sở hạ tầng ở thành phố mà là sự sống còn của ngành giáo dục. Lý do là một trong các tiêu chí nâng chất lượng đào tạo là diện tích/sinh viên, trong khi đó nhiều trường có diện tích khiêm tốn.

9. Vấn nạn học sinh quay/ghi âm về thầy cô và tung lên mạng Internet

Trong năm 2010 trên mạng Internet xuất hiện nhiều clip audio và video không hay về thầy cô do học sinh ghi âm và quay. Nổi bật như vụ ngày 25/9/2010, nhóm học sinh lớp 11 chuyên Lý, Trường THPT chuyên Trần Phú (TP Hải Phòng) đã thu âm lên những lời lẽ xỉ vả của cô giáo dạy tiếng Anh với một học sinh trong lớp rồi phát tán lên mạng. Đầu tháng 12/2010, học sinh cũng quay clip một giáo viên thỉnh giảng bộ môn tin học của Trường THPT Hàng Hải, Hải Phòng chửi mắng học trò và tung lên mạng.

Sau khi các clip này xuất hiện, các giáo viên có hành vi không đẹp với học trò đã bị nhà trường kỷ luật. Tuy vậy, dư luận đặt ra câu hỏi liệu học sinh có được phép/nên hay không quay clip về thầy cô trong giờ học.

Sau khi các vụ việc trên xảy ra, nhiều ý kiến cho rằng để hạn chế những vụ việc đáng tiếc tương tự, các trường cần nghiêm khắc thực hiện điều lệ trường phổ thông, trong đó có việc không cho phép học sinh sử dụng điện thoại, máy ghi âm, ghi hình trong giờ học và trong các hoạt động giáo dục tại trường.

10. Khánh thành trường chuyên hiện đại nhất Việt Nam chào mừng kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội

Sáng 4/9/2010, Trường THPT chuyên Hà Nội Amsterdam tổ chức lễ khai giảng tại ngôi trường hiện đại nhất Hà Nội và cũng là trường chuyên hiện đại nhất của cả nước ngang tầm khu vực và quốc tế với diện tích gần 5 ha, tọa lạc tại khu đô thị Đông Nam đường Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Được khởi công từ tháng 1/2009, Trường THPT chuyên Hà Nội - Amsterdam có tổng mức đầu tư 429 tỉ đồng. Cơ sở vật chất của nhà trường ấn tượng với những nhà thi đấu quy mô lớn, bể bơi nước nóng sử dụng vào mùa đông, khán phòng lớn 700 chỗ, khu vực căng tin rộng rãi, hệ thống bãi đỗ xe và các sân thể thao tiêu chuẩn...

Đây là ngôi trường Hà Nội chào mừng kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội. □

36 ĐẠI HỌC CÓ THỂ PHẢI RỜI nội thành Hà Nội và TP. HCM

Ngày 11/3, Bộ GD&ĐT đã trình Chính phủ dự thảo tiêu chí đi dời các trường đại học. Dự kiến có 36 trường đại học ở Hà Nội và TP HCM đủ điều kiện đi dời khỏi nội thành.

Có hai tiêu chí quan trọng. Một là diện tích đất trên một sinh viên quy đổi, trong đó đất học tập 20-30 m², đất ký túc xá 10-15 m², đất phục vụ thể dục thể thao tối thiểu 10 m², đất công cộng 5-10 m².

Hai là diện tích xây dựng sử dụng trên một sinh viên quy đổi, bình quân cho một sinh viên quy đổi 9-11 m², trong đó diện tích giảng đường và lớp học cho mỗi sinh viên phải đảm bảo 1,4-1,5 m², cơ sở nghiên cứu 1,2 m², thư viện 0,5 m², hành chính quản lý 0,5 m², khu ở và sinh hoạt 3-5 m².

Cả 2 tiêu chí trên đều quy định diện tích xác định trên cơ sở "thuộc quyền quản lý và sử dụng của nhà trường được pháp luật công nhận, không thuộc phần đất thuê, đất mượn".

Thứ trưởng Bộ GD&ĐT Bùi Văn Ga khẳng định sẽ công bố minh bạch các nguyên tắc đi dời. Các trường phải rời toàn bộ thì không được thuê lại hoặc không được giữ lại cơ sở vật chất của trường, phần đất cũ phải bàn giao cho cơ quan quản lý theo quy định của pháp luật.

Áp dụng theo tiêu chí trên, các trường đào tạo ngành công nghệ, kỹ thuật công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải đạt được từ 90% trở lên của tiêu chí một thì không thuộc diện đi dời.



Phó thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân đặc biệt lưu ý phải chuẩn bị chu đáo, thận trọng phương án đi dời các trường đại học, cao đẳng.

Ảnh: Chinhphu.vn

Các trường tại Hà Nội thành lập từ năm 1975 và tại TP HCM từ năm 1980 trở về trước, trường đào tạo các ngành khoa học tự nhiên, khoa học xã hội nhân văn, kinh tế, giáo dục, âm nhạc, luật, mỹ thuật, sân khấu, điện ảnh, ngành đặc thù, trường đào tạo năng khiếu và trường y khoa bên cạnh các bệnh viện... cam kết giữ ổn định quy mô đang đào tạo và đáp ứng từ 50% trở lên của tiêu chí đầu tiên và 100% tiêu chí thứ hai cũng sẽ không thuộc diện đi dời.

Các trường tại Hà Nội thành lập từ 1975 và tại TP HCM từ năm 1980 trở về trước, trường đào tạo ngành công nghệ, kỹ

thuật công nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải đạt từ 50% đến dưới 90% của tiêu chí đầu tiên và không đạt tiêu chí thứ hai thuộc diện đi dời một phần. Các trường đào tạo ngành nghề đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, trường mới thành lập và trường có nhu cầu tiếp tục tăng quy mô không hội đủ trên cả hai tiêu chí trên sẽ nằm trong diện đi dời toàn bộ.

Đối chiếu với hai tiêu chí trên, tại Hà Nội dự kiến có khoảng 19 trường thuộc diện đi dời toàn bộ và 16 trường đi dời một phần trên tổng số 62 trường đại học, cao đẳng trong khu vực nội thành hiện nay. Số sinh viên

cần di dời khoảng 283.000 trên tổng số 478.000 sinh viên.

TP HCM dự kiến có 17 trường di dời toàn bộ và 13 trường di dời một phần trên tổng số 69 trường đại học, cao đẳng trong khu vực nội thành hiện nay. Số sinh viên cần di dời là 170.000 trên tổng số 516.000 sinh viên.

Khảng định chủ trương di dời các trường đại học, cao đẳng ra ngoại thành là cần thiết, phù hợp với xu thế phát triển của đô thị hiện đại, nhưng Phó thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân đặc biệt nhấn mạnh đây là công việc rất lớn, nhạy cảm đòi hỏi tất cả các bộ, ngành, TP Hà Nội và TP HCM xử lý thận trọng trên cơ sở pháp luật. Phó thủ tướng đề nghị quá trình di dời phải đảm bảo đồng bộ về quy hoạch, chính sách và sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý với nhà trường.

Tiêu chí lựa chọn địa điểm hình thành khu đại học mới của Bộ Xây dựng:

- Vị trí địa lý là nơi có điều kiện tự nhiên an toàn, thuận lợi; thời gian đi tới trung tâm thành phố (trong điều kiện bình thường) không quá 60 phút.

- Quy đất mới có khả năng cung cấp và hình thành khu đại học, đáp ứng các tiện nghi phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và đáp ứng nhu cầu rèn luyện thể lực của sinh viên. Chỉ tiêu đất đai tối thiểu trung bình 65 m²/sinh viên.

- Có khả năng cung cấp về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội như: giao thông, cấp điện, cấp nước, dịch vụ đô thị và các yếu tố môi trường khác.

Phó thủ tướng yêu cầu trước 20/3, Bộ GD&ĐT trao đổi kỹ với Bộ Xây dựng và lấy ý kiến của TP Hà Nội, TP HCM về việc xây

dựng và ban hành tiêu chí di dời các trường đại học. Trước 30/3, hai bộ GD&ĐT, Xây dựng tham khảo ý kiến của các trường đại học, cao đẳng đang đứng chân ở Hà Nội và TP HCM.

Trước 15/4, Bộ GD&ĐT, Bộ Xây dựng trình Thủ tướng về tiêu chí di dời các trường đại học. Sau khi báo cáo Thủ tướng, hai bộ sẽ làm việc với từng trường để phân loại và khẩn trương lên các phương án di dời. Ngày 20/4, Phó thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân sẽ chủ trì cuộc họp để tiếp tục nghe báo cáo các phương án triển khai thực hiện đề án này.

Cuối tháng 5, Phó thủ tướng Nguyễn Thiện Nhân sẽ chủ trì cuộc họp lần cuối cùng về nội dung nêu trên, sau đó lên danh sách các trường đủ tiêu chí di dời, từ đó sẽ trình Thủ tướng xem xét, quyết định. □

Theo Chinhphu.vn

GS Ngô Bảo Châu được tôn vinh giải thưởng “Nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu”

(GDVN) - Trong danh sách 190 Nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu được Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) công bố hôm qua 9/3, có 2 đại diện của Việt Nam được tôn vinh giải thưởng này. Đó là giáo sư Toán học Ngô Bảo Châu và anh Jimmy Phạm - Việt kiều Úc.

190 nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu là những đại diện tiêu biểu của 65 nước, được lựa chọn từ hơn 5.000 ứng viên.

Những “nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu” này làm việc trong nhiều lĩnh vực, từ kinh doanh, chính trị, đến truyền thông, khoa học... Đây là những người trẻ dưới 40 tuổi, có những đóng góp tích cực cho cộng đồng, có thành tích nổi bật trong vai trò



Giáo sư Ngô Bảo Châu (bên trái)

lãnh đạo, và phải chứng tỏ cam kết của họ đối với xã hội.

Giải thưởng “Nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu” nhằm công nhận những đóng góp của các cá nhân vì những thành tích mà họ đạt được trong nghề nghiệp cũng như những cam kết đóng góp cho xã hội và năng lực đóng góp cho việc định hình tương lai của thế giới.

Giáo sư Toán học Ngô Bảo Châu sinh năm 1972, anh đã đoạt nhiều giải thưởng trong lĩnh vực Toán học, trong đó có giải thưởng Fields danh giá. Năm 2010, GS Ngô Bảo Châu có sáng kiến xây dựng quỹ khuyến học “Vi tinh thần hiếu học” và dành toàn bộ phần thưởng bằng tiền mặt của Giải thưởng Fields cho quỹ này.

Còn anh Jimmy Phạm là nhà sáng lập - giám đốc của KOTO, một tổ chức phi lợi nhuận đào tạo chuyên ngành dịch vụ - nhà hàng cho các trẻ em đường phố ở Việt Nam.

Bạn đọc có thể xem danh sách 190 nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu năm 2011 tại đây.

Theo Dân Trí



GS Robert Zimmer và GS Mai Trọng Nhuận ký kết biên bản hợp tác. Ảnh: Bùi Văn Tấn

BẮT TAY VỚI ĐH TOP MỸ, XÂY ƯỚC MƠ ĐOẠT NOBEL

Trong những ngày đầu tháng 3 này, với "câu nói" là GS Ngô Bảo Châu, một hiệu trưởng trường ĐH hàng đầu nước Mỹ đã tới Việt Nam bàn chuyện hợp tác giáo dục đại học.

Trong buổi làm việc sáng 8/3, GS Mai Trọng Nhuận, Giám đốc ĐHQG Hà Nội giới thiệu, ĐH này do Chính phủ quản lý trực tiếp, có quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao; cũng là ĐH đa ngành, đa lĩnh vực, ĐHQG Hà Nội có nhiều điểm tương đồng với mô hình ĐH của Mỹ.

GS Robert Jeffrey Zimmer, hiệu trưởng thứ 13 của ĐH tư thục có tuổi đời hơn trăm năm nói, ĐH Chicago sẽ hợp tác với ĐHQG Hà Nội trong những lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học xã hội, quản trị kinh doanh.

Ông cùng GS Ngô Bảo Châu

(đang làm việc ở khoa Toán) đã thảo luận với hiệu trưởng các trường thành viên của ĐHQG Hà Nội để tìm kiếm và mở rộng lĩnh vực hợp tác. Buổi làm việc kết thúc với việc tiến hành ký bản ghi nhớ.

Trong các ngày còn lại ở Việt Nam, từ 9/3, GS Zimmer sẽ có các buổi gặp với lãnh đạo Chính phủ, Bộ GD-ĐT và ĐHQG TP.HCM...

Không chỉ lọt top 10 liên tục ở nhiều bảng xếp hạng có uy tín, ĐH Chicago còn sở hữu những giải Nobel đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế học và toán học, với con số ấn tượng 85 người đoạt giải Nobel từng

có mối quan hệ trực tiếp.

Trường ĐH nằm ở phố Hyde Park, tiểu bang Illinois do nhà tỷ phú dầu mỏ John D. Rockefeller thành lập năm 1890 nổi tiếng với các phong trào học thuật gây ảnh hưởng lớn thế giới như trường phái kinh tế học Chicago, trường phái xã hội học Chicago, trường phái phê bình văn học Chicago và phong trào luật, kinh tế học trong phân tích pháp lý.

Tại buổi giao lưu với sinh viên lúc 11h, GS Vũ Minh Giang nhắc lại câu chuyện 2 năm trước đây, vào ngày 11/3, khi ĐHQG Hà Nội ký biên bản hợp tác với Tập đoàn Dầu khí

Việt Nam.

Thỏa thuận giữa ĐH công lập có nhiều bề dày lịch sử với tập đoàn kinh tế nhà nước lớn này có nội dung xây dựng, triển khai thực hiện đề án chiến lược để Việt Nam đoạt giải thưởng Nobel, các giải thưởng quốc tế có uy tín khác.

"Khi thông tin được đưa ra, có nhiều phóng viên gọi điện cho tôi, tỏ ý hoài nghi về "dự định siêu thực này" - GS Giang, cũng là một nhà nghiên cứu lịch sử nói.

Ông Giang cho hay, trong nhiệm vụ chiến lược, ĐHQG Hà Nội đã chọn những ngành, chuyên ngành đang cạnh tranh với trình độ quốc tế, đầu tư mạnh để nhanh chóng đạt trình độ quốc tế. ĐH cũng mời những nhà khoa học danh tiếng trên thế giới tham gia vào ban cố

vấn chiến lược.

GS Giang nói, nếu không bắt đầu từ khởi dựng ước mơ, thì biết đến bao giờ mới vươn tới đẳng cấp quốc tế.

Tuy nhiên, không phải sinh viên nào của ĐHQG cũng biết được điều này. Trong buổi giao lưu, GS Giang đã nhắc lại đề án "16+23" (một đề án lớn của trường về phát triển nghiên cứu) khi một sinh viên hỏi thông tin về kết quả của những biên bản hợp tác.

Được gặp trực tiếp nhà khoa học mà mình yêu mến trong phần giao lưu 30 phút, nhiều sinh viên ĐHQG Hà Nội đã đề nghị GS Ngô Bảo Châu chia sẻ kinh nghiệm vươn tới thành công.

Chia sẻ "bí quyết nỗ lực", GS Ngô Bảo Châu nói mỗi ngày, ông phải tự nhủ cần học thêm

một điều gì đó. Nhưng không phải lúc nào cũng "đi bộ" mà cũng có lúc phải "chạy".

Ông kể lại câu chuyện mình đã hỏi bạn học người Pháp về bí quyết "làm sao lại đi bộ nhanh hơn" trong một lần leo núi khiến cả hội trường cười sảng khoái: "Bạn tôi nói có một bí quyết. Đó là trước hết chân trái phải đi trước chân phải, sau đó chân phải đi trước chân trái".

Tự tin và phải thực sự đam mê, nhất là với những người làm nghiên cứu, tình yêu với khoa học cơ bản phải đặt trên các phạm trù khác cũng là những đúc rút ngắn gọn từ thành công của cá nhân mình mà GS Châu chia sẻ với các sinh viên. □

Hạ Anh

Nhật Bản: Thiệt hại 235 tỉ USD

Tờ Independent đưa tin Ngân hàng thế giới (WB) ước tính thiệt hại đối với nền kinh tế Nhật Bản sau thảm họa động đất - sóng thần vào khoảng 235 tỉ USD, tương đương 4% GDP, và Nhật sẽ phải mất khoảng 5 năm để tái thiết đất nước.

WB cho hay thảm họa ngày 11-3 vừa qua có thể lấy mất 0,5% tăng trưởng của kinh tế Nhật trong năm nay và tác động của nó sẽ tập trung vào các tháng đầu năm, còn các quý sau sẽ phục hồi dần.

Báo cáo của WB cho thấy nhu cầu tiêu dùng và sản xuất ở Nhật trong giai đoạn ngắn sẽ giảm, gây tác động xấu đến các quốc gia trong khu vực. Ví dụ, các công ty Hàn Quốc phải mua chip nhớ từ Nhật Bản với giá tăng 20% do sản xuất bị ngừng trệ, trong khi ngành xe hơi của Thái Lan có thể hết các phụ tùng Nhật - quốc gia chính sản xuất các



Tìm kiếm những gì còn sót lại - Ảnh: CNN

phụ tùng, linh kiện cho hoạt động sản xuất ở vùng đông Á, vào tháng tới.

Vùng đông bắc Nhật Bản, nơi xảy ra thảm họa vừa qua, là trung tâm của các bến cảng, các nhà máy thép, lọc dầu, xe hơi, điện tử. Rất nhiều cơ sở đã bị phá nát, nhất là khi nguồn điện bị cắt vì sự cố ở Fukushima 1.

Phan Anh

Bộ trưởng Phạm Vũ Luận: Tăng cường hậu kiểm sau tuyển sinh



(VTC News) - Đó là một trong những chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Phạm Vũ Luận tại hội nghị tuyển sinh ĐH, CĐ năm 2011. Đây cũng là một trong những nội dung đáng chú ý trong kỳ tuyển sinh ĐH, CĐ năm nay.

Bộ trưởng Phạm Vũ Luận nhấn mạnh công tác hậu kiểm sau tuyển sinh như một nét mới trong tuyển sinh năm 2011.
(Ảnh: Phạm Thịnh)

Ông Hoàng Văn Châu, hiệu trưởng ĐH Ngoại thương Hà Nội nhấn mạnh công tác hậu kiểm trong kỳ thi tuyển sinh cần phải tiến hành mạnh mẽ hơn nữa. Vì thực tế, nhiều năm nay, trường ĐH Ngoại thương cũng đã tiến hành so sánh chữ viết các bài làm của thí sinh để kiểm tra tính chính xác, logic của bài thi. Điều này đã tránh được tình trạng thi thuê, thi hộ như một vài năm trước.

Các ý kiến góp ý đều cho rằng, cho đến thời điểm này, việc thi theo phương thức 3 chung và tổ chức thành 3 đợt thi vẫn phù hợp. Cách thức tổ chức này đã phát huy hiệu quả trong những năm qua và ngày càng được xã hội đồng tình ủng hộ.

Đồng tình với ý kiến này, Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Phạm Vũ Luận nhấn mạnh: "Vấn đề hậu kiểm rất quan trọng. Sau kỳ tuyển sinh, các trường phải kiểm tra lại bài thi và Bộ sẽ kiểm tra một lần cuối. Những trường nào vi phạm sẽ bị xử lý nghiêm khắc. Sai phạm của năm nay nhưng năm sau mới phát hiện cũng bị xử lý".

Tại hội nghị, các đại biểu cũng đặc biệt quan tâm đến việc công bố NV2, NV3. Một số đại biểu cho rằng, chưa đến hạn nộp hồ sơ NV2, NV3 nhưng một số phương tiện thông tin đại chúng đã có các thông tin. Vì vậy các đại biểu cũng kiến nghị Bộ nên có quy

trình chặt chẽ hơn trong việc quá trình nhận hồ sơ NV2, NV3.

Về vấn đề này, ông Luận cho rằng, nên triển khai trên tinh thần công khai, không nên hạn chế cơ hội của thí sinh, càng công khai được thì tiêu cực càng giảm. Thời gian xét tuyển cũng không nên cứng quá để tạo thuận lợi cho thí sinh và các trường.

Ông Trần Văn Nam, Giám đốc ĐH Đà Nẵng đề nghị Bộ nên đưa tất cả những vấn đề liên quan đến môn thi trắc nghiệm vào bản hướng dẫn giống như môn thi tự luận chứ không tách riêng ra để tiện cho các trường trong việc tra cứu.

Lãnh đạo trường ĐH Hàng Hải nhiều năm nay cũng phải soạn ra bộ quy chế riêng để giúp đỡ các thí sinh làm các bài thi trắc nghiệm. "Bộ GD&ĐT nên soạn thảo hệ thống quy chế đồng bộ cho cả thi trắc nghiệm và thi tự luận để giúp các trường thuận lợi hơn trong công tác thi cử", ông Mạnh nhấn mạnh.

Cũng liên quan đến môn thi trắc nghiệm, ông Nguyễn Văn Bản, phó hiệu trưởng ĐH Đồng Tháp đề nghị Bộ nên nghiên cứu để thời gian biểu thi các môn tự luận và trắc nghiệm sao cho tương thích, nếu không, tại một địa điểm thi mà thời gian phát đề thi tự luận và trắc nghiệm lại khác nhau khiến các điểm thi gặp khó khăn...

Vấn đề gửi kết quả thi cho các thí sinh đăng ký dự thi vào trường không tổ chức thi tuyển, Ông Hoàng Văn Châu, hiệu trưởng trường ĐH Ngoại thương Hà Nội cho rằng, việc gửi thẳng kết quả về Sở như trên sẽ tiện hơn cho các trường tổ chức thi có thí sinh thi nhờ.

Bộ trưởng Phạm Vũ Luận cho biết chỉ tiêu tuyển sinh cử tuyển Bộ sẽ giao riêng, không liên quan đến chỉ tiêu tuyển sinh, làm thế nào để chỉ tiêu cử tuyển đủ về số lượng nhưng cũng đảm bảo chất lượng ngày càng cao.

Điểm mới trong tuyển sinh 2011 về đối tượng tuyển sinh: Thí sinh có quốc tịch nước ngoài, có nguyện vọng học tại các trường ĐH, CĐ ở Việt Nam không phải dự thi tuyển sinh. Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả học tập THPT kết hợp với kiểm tra kiến thức và trình độ tiếng Việt của thí sinh theo quy định của trường để xét tuyển.

Năm 2011, Bộ sẽ xử lý mạnh tay với các trường: Gửi giấy triệu tập trúng tuyển cho thí sinh không nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào trường; thông báo nhận và kết thúc việc nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh không đúng thời hạn quy định; hạ điểm trúng tuyển các nguyện vọng trái quy định; tính điểm sàn với điểm môn thi đã nhận hệ số. □

Lễ hội Đền Hùng năm 2011: Tôn vinh các giá trị VĂN HOÁ



Tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng nhằm tôn vinh các giá trị văn hoá dân tộc, khẳng định vị trí và ý nghĩa to lớn của ngày Giỗ Tổ Hùng Vương là ngày Quốc lễ của dân tộc, giáo dục truyền thống yêu nước, biết ơn sâu sắc các Vua Hùng và các bậc tiền nhân đã có công dựng nước và giữ nước; giáo dục đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, củng cố và phát triển khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Thông qua tổ chức Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng để từng bước hoàn thiện hồ sơ khoa học “Tín ngưỡng thờ Hùng Vương” để nghị UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại và xây dựng Khu di tích lịch sử Đền Hùng, thành phố Việt Trì trở thành trung tâm văn hoá - lễ hội về với cội nguồn của dân tộc Việt Nam; đồng thời tạo không khí vui tươi, phấn khởi, động viên các

tầng lớp nhân dân tham gia vào các hoạt động văn hoá, thể thao, du lịch, hăng hái thi đua thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng hàng năm diễn ra vào ngày 10/3 (âm lịch) với qui mô và sắc thái khác nhau. Năm 2011 là năm lễ, giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng do Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ chủ trì tổ chức và có sự tham gia tổ chức của các tỉnh: Tuyên Quang, Hoà Bình, Nam Định, Quảng Ngãi, Đồng Tháp theo Đề án tổ chức giỗ Tổ Hùng Vương hàng năm và đóng góp nguồn lực trùng tu, tôn tạo Khu di tích lịch sử Đền Hùng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, năm nay, phần lễ được tổ chức 3 ngày 5, 6 và 10 tháng 3 âm lịch, phần hội được tổ chức 5 ngày, từ ngày 8/4 đến 12/4/2011 (tức từ ngày 6-10/3 âm lịch).

Các nghi thức cúng tế và

dâng hương tưởng niệm các Vua Hùng được diễn ra tại đền Quốc Tổ Lạc Long Quân, đền Tổ Mẫu Âu Cơ và đền Thượng giữa các đồng chí lãnh đạo Đảng, nhà nước, lãnh đạo thành phố Hà Nội và các tỉnh: Vĩnh Phúc, Lào Cai, Yên Bái, Tuyên Quang, Hoà Bình, Nam Định, Quảng Ngãi, Đồng Tháp cùng nhân dân các dân tộc tỉnh Phú Thọ. Phần hội năm nay có nhiều hoạt động đa dạng và đặc sắc. Các hoạt động văn hoá, thể thao được tổ chức với qui mô rộng khắp từ thành phố Việt Trì cho đến Trung tâm Lễ hội Đền Hùng và các vùng phụ cận gắn với chương trình “Du lịch về cội nguồn” 3 tỉnh Phú Thọ - Lào Cai - Yên Bái. Tại Khu di tích lịch sử Đền Hùng sẽ diễn ra các hoạt động: hội trại văn hoá, biểu diễn nghệ thuật, trưng bày sản vật và văn hoá ẩm thực của các huyện, thành, thị trong tỉnh; trình diễn diễn xướng văn hoá dân gian các dân tộc tỉnh Phú Thọ; biểu diễn nghệ thuật của các đơn vị nghệ thuật

Ngày 18/2 quyết định phương án tuyển sinh đại học 2011

Theo Bộ Giáo dục Đào tạo, Hội nghị tuyển sinh đại học, cao đẳng 2011 sẽ được tổ chức trực tuyến tại 6 điểm cầu truyền hình trên cả nước vào ngày 18/2.

6 điểm cầu được lựa chọn là Hà Nội, Thái Nguyên, Vinh, Đà Nẵng, TP HCM và Cần Thơ. Đây là hội nghị đánh giá kết quả công tác tuyển sinh đại học, cao đẳng năm 2010 và bàn bạc, đưa ra các phương án tổ chức thi tuyển sinh năm 2011 để Bộ Giáo dục xem xét quyết định.

Điểm cầu Hà Nội được tổ chức tại Thư viện Tạ Quang Bửu (ĐH Bách khoa Hà Nội), gồm đại diện của 13 tỉnh đồng bằng và ven biển Bắc Bộ. Điểm cầu Thái Nguyên được đặt tại ĐH Thái Nguyên, nơi tụ họp của đại diện ngành giáo dục 12 tỉnh trung du và miền núi phía bắc.

Hội nghị tuyển sinh sẽ được tổ chức tại 6 điểm cầu trên cả nước. Ảnh: Hoàng Hà.

ĐH Vinh (Nghệ An) là điểm cầu tập trung 5 tỉnh Bắc Trung Bộ từ Thanh Hóa đến Quảng Trị. ĐH Đà Nẵng là đầu cầu tập hợp 9 tỉnh tiếp theo

của khu vực miền Trung từ Thừa Thiên - Huế tới Phú Yên và 3 tỉnh Tây Nguyên.

Điểm cầu TP HCM tổ chức tại ĐH Kiến trúc TP HCM, tập hợp đại diện của 11 tỉnh Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Điểm cầu cuối cùng là ĐH Cần Thơ, nơi hội tụ của đại diện 13 tỉnh Tây Nam Bộ.

Trước đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định giữ nguyên 3 đợt thi tuyển sinh gồm hai đợt thi đại học và một đợt thi cao đẳng. Bộ cũng công bố dự thảo sửa đổi một số điều của quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy, trong đó nêu rõ học sinh là người nước ngoài có nguyện vọng học tại các trường đại học, cao đẳng ở Việt Nam không phải dự thi tuyển sinh.

Thay vào đó, hiệu trưởng các trường căn cứ kết quả học tập THPT của học sinh thông qua bảng điểm, khi đạt yêu cầu kiểm tra kiến thức và tiếng Việt theo quy định của trường thì xem xét, quyết định cho vào học. □

Hoàng Thùy

chuyên nghiệp trong và ngoài tỉnh; đánh trống đồng, múa sù tử, hát Xoan; chiếu phim màn ảnh rộng; hội thi gói, nấu bánh chưng, giã bánh giầy; lễ hội chèo của các doanh nghiệp; triển lãm các hiện vật cung tiến với chủ đề "Tình cảm của đồng bào cả nước và bạn bè quốc tế với Đền Hùng"; lễ nhập linh và trao tặng trống đồng của Hội di sản văn hoá Việt Nam và Ban Quản lý Dự án "Trống đồng - âm vang Đất Tổ" cho khu di tích lịch sử Đền Hùng; lễ phát động "Doanh nhân trồng cây tri ân Quốc Tổ Hùng Vương"; tổ chức các hoạt động thể thao: bóng chuyền nam, cờ tướng, vật dân tộc và bắn nỏ. Tại thành phố Việt Trì: tổ chức Hội thảo Quốc tế "Tín ngưỡng thờ Hùng Vương" để nghị UNESCO công nhận là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại; hội thảo khoa học

"Lễ hội Tịch điền"; khánh thành miếu Lãi Lèn và liên hoan tiếng hát làng Xoan (lần thứ 2); hội chợ Hùng Vương; giải bơi chải trên Sông Lô; triển lãm, trưng bày hiện vật và triển lãm nghệ thuật thư pháp Việt Nam tại Bảo tàng Hùng Vương; triển lãm sách "Về miền lễ hội cội nguồn dân tộc Việt Nam" tại Thư viện tỉnh; tổ chức giải Bóng chuyền các đội mạnh toàn quốc - cúp Hùng Vương; giải Quần vợt Hữu nghị Đền Hùng lần thứ IV; đặc biệt vào hồi 21h ngày 11/4/2011 (tức ngày 9/3 âm lịch) tổ chức bắn pháo hoa tầm thấp.

Để giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng diễn ra trang nghiêm, trọng thể, vui tươi, lành mạnh, an toàn và tiết kiệm, UBND tỉnh Phú Thọ đã thành lập bộ phận thường trực gồm đại diện: Khu di tích lịch sử Đền Hùng, sở Văn hoá, Thể

thao và Du lịch, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, UBND thành phố Việt Trì, UBND xã Hy Cương để giải quyết những công việc cụ thể từ khi bắt đầu đến khi kết thúc giỗ Tổ; đồng thời thành lập một số tiểu ban và 2 đoàn kiểm tra liên ngành để giúp ban tổ chức triển khai công tác tổ chức lễ hội và duy trì việc thực hiện nội quy, quy chế lễ hội, đảm bảo an toàn cho du khách khi về dự giỗ Tổ.

Với kinh nghiệm tổ chức giỗ Tổ nhiều năm và sự chuẩn bị chu đáo, chắc chắn giỗ Tổ Hùng Vương - Lễ hội Đền Hùng năm 2011 sẽ được UBND tỉnh Phú Thọ tổ chức thành kính, trang trọng và hấp dẫn thu hút hàng triệu lượt du khách trong nước và quốc tế về dự. □

Quách Sinh



HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG được trao tặng HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG và danh hiệu NHÀ GIÁO ƯU TÚ

Ngày 20- 11- 2010, Trường Đại học Hùng Vương tổ chức lễ trao tặng huân chương Lao động hạng Ba (Theo QĐ số 627/QĐ - TTN, ngày 13/5/2010 của Chủ tịch nước) và trao tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú (theo QĐ số 1916/QĐ- CTN, ngày 9/11/2010 của Chủ tịch nước) cho PGS.TS Cao Văn - Bí thư Đảng ủy -Hiệu trưởng.

Ngày lễ diễn ra trong bầu không khí phấn khởi, đông vui của đông đảo các nhà giáo, cán bộ nhà trường và sinh viên trong nước và nước ngoài học tập tại trường.



Lãnh đạo trường tặng hoa chúc mừng PGS.TS. Cao Văn



BÁC HỒ HỌC VÀ SỬ DỤNG NGOẠI NGỮ SUỐT ĐỜI

Triệu Hồng

TÓM TẮT

Bác Hồ là tấm gương học và sử dụng ngoại ngữ suốt đời. Từ nhỏ, Bác đã được học chữ Hán và sau đó được học tiếng Pháp ở Huế. Năm 1911, Người quyết chí ra đi tìm đường cứu nước. Từ đấy, Người đã tự học thêm các ngoại ngữ Pháp, Anh, Đức, Ý, Tây Ban Nha, Nga, Trung Quốc, Xiêm... và sử dụng ngoại ngữ như một công cụ đắc lực cho hoạt động cách mạng. Người là một thiên tài ngoại ngữ của Việt Nam và thế giới.

1. Mở đầu

Bác Hồ học ngoại ngữ với một ý thức để làm cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam thoát khỏi ách nô lệ lầm than. Từ nhỏ ở trường làng và trong gia đình Người đã được học chữ Hán và đã hiểu truyền thống người Việt học chữ Hán với một mục đích tự chủ, tự cường. Vốn chữ Hán tiếp thu được, Người có thể làm thơ phú, đọc và hiểu được các văn bản viết bằng chữ Hán, tiếp thu được các tư tưởng tiến bộ của các nhà cách mạng đương thời như Phan Bội Châu, Vương Thúc Quý, Đặng Thái Thân..., tinh hoa tư tưởng dân tộc Việt Nam, Trung Hoa, tư tưởng Phật giáo. Người lại đã được người cha kính yêu cho vào Huế học Trường Tiểu học Pháp-Việt và sau đó vào Trường Quốc học được học chữ Pháp, tiếng Pháp. Ngoại ngữ Pháp đã giúp cho Tất Thành sáng hai con mắt, sáng niềm tin, biến nó thành vũ khí chiến đấu chống lại kẻ thù, bảo vệ mình, tạo được thanh thế, uy tín cho mình. Nhờ có tiếng Pháp Tất Thành đã có điều kiện gần gũi các thầy giáo tiến bộ người Pháp, những trí thức Tây học người Việt yêu

nước, thương dân. Chữ Pháp giúp cho Tất Thành hiểu về lịch sử nước Pháp, dân tộc Pháp và chế độ thực dân Pháp, biết về văn hoá Pháp, đọc được các tác phẩm văn học như “Không gia đình” của Ec- tơ Ma- Lơ, “Những người khốn khổ” của Vích- to Huy- gô, tiếp thu những tư tưởng tiến bộ của Mông- tét- ki-ơ, Rút- xô, Vôn - te và Công - đơóc- xê, biết thêm về cách mạng Pháp, xã hội Pháp, con người lao động Pháp.

Học chữ Hán, ngoại ngữ Pháp không để ra làm quan, để làm việc cho người Pháp, cho bọn tay sai phong kiến, Nguyễn Tất Thành học để thực hiện ước mơ cứu dân, cứu nước. Ý thức ấy đã biến thành niềm tin, động lực cho hành động dũng cảm như tham gia vào cuộc đấu tranh của nhân dân Thừa Thiên-Huế đòi giảm sưu thuế. Đi đầu đoàn người biểu tình, làm thông ngôn cho những người lãnh đạo biểu tình với bọn cầm quyền thực dân Pháp. Bị bọn Pháp truy nã, bắt phải tự thú nhưng Tất Thành không cúi mình, đã từ bỏ trường Quốc học, vào trường Dục Thanh Phan Thiết dạy học và vào cảng Sài Gòn làm

phu khuôn vác, sau đó đã quyết chí ra đi tìm đường cứu nước. Trên con đường hàng vạn dặm, khắp năm châu bốn bể, qua 28 nước Bác Hồ của chúng ta đã học được nhiều ngoại ngữ làm công cụ hữu hiệu cho cuộc đấu tranh cách mạng mà Người suốt đời phấn đấu thực hiện.

2. Nội dung

2.1. Bác Hồ học và sử dụng tiếng Pháp

Tiếng Pháp là ngoại ngữ mà Bác Hồ được học đầu tiên, trên cả hai phương diện học chữ và học nói, còn tiếng Trung khi nhỏ tuổi thì Bác chỉ được học chữ chứ không được học nói. Trình độ tiếng Pháp lúc Người còn trẻ như nói ở trên thì trình độ đọc khá hơn, trình độ nói và nghe còn ở mức bình thường ở mức độ giao tiếp được. Trình độ viết đòi hỏi cao hơn, với trình độ trung học chắc chắn Bác chưa có thể viết thành thạo các loại văn bản Pháp. Trên tàu Đô đốc La-tu-sơ Tê-rê- vin Bác mang tên anh Ba làm nghề phụ bếp để tìm đến nước Pháp. Trên tàu anh Ba làm quen với hai người lính Pháp giải ngũ về nước, sau mỗi ngày làm việc nặng nhọc, đêm khuya anh Ba tranh

thủ học đọc và viết tiếng Pháp nhằm củng cố vốn tiếng Pháp của mình. Tất nhiên trong một môi trường tiếng Pháp anh Ba học được nhiều hơn và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được hình thành, củng cố tốt hơn trước. Đến Mácxây, về bến cảng Havơ anh Ba không theo tàu về Đông Dương mà ở lại Xanh Ađorét làm công cho ông chủ tàu, Hàng ngày anh Ba còn đọc báo và học thêm tiếng Pháp từ một cô sen. Nhờ ông chủ giới thiệu, anh Ba đã xin được việc làm trên tàu chở hàng đi vòng quanh châu Phi, qua nhiều nước Tây Ba Nha, Bồ Đào Nha, An giêri, Tuyniri, những cửa bể đông châu Phi đến Đa ca... Tàu chở hàng, nên có nhiều thời giờ rảnh anh Ba có điều kiện học đọc và tập viết tiếng Pháp, thông qua nghe và đọc và quan sát anh Ba biết được, hiểu được nỗi thống khổ của những người dân thuộc địa châu Phi. Nhờ việc làm nghề phụ bếp và làm nghề bồi bàn trên tàu mà anh Ba có điều kiện đi khắp các thuộc địa của Pháp và vốn tiếng Pháp của anh tiếp tục được củng cố và mở rộng, ở các mặt đọc hiểu, nghe hiểu nói và viết.

Về tiếng Pháp của Bác được hoàn thiện và phát triển đến đỉnh cao là vào giai đoạn từ cuối năm 1917 đến năm 1923. Người trở về nước Pháp, khi ấy chiến tranh thế giới lần thứ I chuẩn bị chấm dứt. Phong trào cách mạng thế giới đang dâng cao, nước Nga đã tiến hành Cách mạng Tháng Mười thành công, tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng thế giới phát triển. Khi các nước thắng trận và các nước bại trận họp Hội nghị hoà bình tại Véc xây, Việt Nam là nước thuộc địa, nửa thuộc địa không có đoàn đại biểu chính thức, anh

Ba lúc này lấy tên là Nguyễn Ái Quốc đại diện cho Nhóm người Việt Nam yêu nước đã gửi đến Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam gồm tám điểm đòi quyền độc lập, tự do, quyền bình đẳng dân tộc bãi bỏ các thứ thuế vô lý đối với nhân dân Việt Nam. Những yêu sách chính đáng ấy không được các nước đế quốc thực hiện nhưng đã gây được tiếng vang, đánh dấu một giai đoạn mới trong phong trào giải phóng dân tộc.

Lúc ấy Nguyễn Ái Quốc chưa viết được các văn bản tiếng Pháp cần thiết, ngay văn bản Yêu sách vẫn phải nhờ luật sư Phan Văn Trường viết hộ những Yêu sách do mình đề ra. Để khắc phục nhược điểm đó Người phải học viết, học những từ mới như "công hội", "thợ thuyền", "bãi công"... Bắt đầu tập viết các văn bản báo chí- tin tức, văn bản nghị luận chính trị, văn bản văn học nghệ thuật... Để tập viết, ông Nguyễn làm quen với các ông chủ nhiệm, các chủ báo các tờ Dân chúng, Đời sống thợ thuyền, Nhân đạo, được họ hướng dẫn viết. Lúc đầu viết ngắn, sau viết dài, viết dài rồi lại rút ngắn, mỗi bài viết thành hai bản: một bản gửi đi, một bản giữ lại. Sau khi bài báo được in, ông Nguyễn đem đối chiếu thấy được những chỗ viết sai mà các biên tập đã sửa, và tập sửa lại. Ông Nguyễn còn được mọi người hướng dẫn tỷ mỉ về hình thức, khuôn khổ mỗi bài. Nhờ làm việc khoa học và kiên trì ông Nguyễn đã thành thạo, đã viết thành công và vào làng báo từ đó. Vào làng báo ông Nguyễn còn tập viết thành công các truyện ngắn, các bài ký nhờ vào các khuôn mẫu truyện, tiểu thuyết, kịch của các nhà văn Sếchpia, Đíchkenx, Huygô, Zô la, Antôn Phơrăngxơ, đặc

biệt là rất thích thú đọc những truyện ngắn của Lêông Tônxtôi và muốn làm người học trò nhỏ của nhà văn này. Tiến lên nữa ông còn viết được kịch bản Con rồng tre được các Câu lạc bộ ngoại ô Pari công diễn và khen hay.

Thời gian đầu ông Nguyễn trở lại Pháp còn phải đi làm thuê ngày nửa buổi để kiếm tiền nuôi thân. Sau nhờ viết báo thành công phần nào cũng đỡ khó khăn về mặt tài chính, ông Nguyễn tích cực đến thư viện đọc sách và sưu tầm tài liệu, đi dự những buổi mít tinh, thảo luận chính trị, tham gia Hội nghệ thuật và khoa học hay Hội những người làm nghệ thuật, Hội/du lịch đi thăm quan bảo tàng, nhà máy, phòng thí nghiệm, xưởng nghệ thuật, nhà hát, làm quen với các nhà chính trị, nhà văn, các giáo sư, họa sỹ, nghệ sỹ, tranh thủ thời gian đi thăm nhiều nơi trên đất Pháp, các nước lân cận như Đức, Ý, Thụy sỹ, Vaticăng để mở rộng tầm mắt. Ông Nguyễn đã gặp gỡ các nhà cách mạng Angiêri, Tuyniri, Mangat, Mutiních thành lập Hội liên hiệp thuộc địa ra tờ báo Người cùng khổ (Lê Paria). Ông Nguyễn vừa làm chủ bút, chủ nhiệm vừa làm biên tập, thủ quỹ, liên lạc. Tờ báo đã tố cáo phanh phui những tội ác tày trời của bọn thực dân Pháp đối với nhân dân các nước thuộc địa, thổi một luồng gió mới tới các dân tộc bị áp bức thúc dục họ đứng lên đấu tranh.

Trong thời gian này, Ông Nguyễn đã tham gia Đảng xã hội Pháp, là người Việt Nam đầu tiên vào một chính đảng Pháp. Tháng 12 năm 1920 ông Nguyễn dự đại hội toàn quốc lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp đã tiếp thu luận cương của Lênin, tán

thành gia nhập Đệ tam Quốc tế. Như vậy, Nguyễn Ái Quốc từ một người yêu nước đã trở thành người Cộng sản Việt Nam đầu tiên. Điều mà chúng ta phải công nhận rằng, tiếng Pháp đã là công cụ giúp cho Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước, đồng thời tiếng Pháp đã giúp cho Nguyễn Ái Quốc phát triển trở thành nhà báo, nhà văn viết bằng tiếng Pháp. Khi Người sang Liên Xô dự Đại hội thứ nhất Quốc tế nông dân, được bầu vào Ban chấp hành Quốc tế nông dân, tham gia Đại hội V Quốc tế Cộng sản, làm Ủy viên Bộ phương Đông, phụ trách Cục phương Nam của Quốc tế cộng sản và Người đã trở thành lãnh tụ cộng sản mang tầm vóc Quốc tế.

Về việc sử dụng tiếng Pháp: Bác dùng nó gần như suốt đời trong giao tiếp, tạo lập các mối quan hệ thân thiết với các nhà chính trị, các nhà cách mạng, các nhà ngoại giao, các nhà khoa học, các nhà văn, các giáo sư, các nghị viên, họa sỹ, nghệ sỹ và nhân dân Pháp ở nước Pháp cũng như ở Đông Dương, các nước thuộc địa. Thiết lập các mối quan hệ giữa nước ta với nước Pháp, các nước trong cộng đồng nói tiếng Pháp ở Á Phi. Trong thời gian sau Cách mạng Tháng Tám 1945, năm 1946, 1947 trong đó có thời gian Bác thăm nước Pháp, Người đã viết mấy chục bức thư, công hàm, điện văn gửi Tổng thống, Thủ tướng, Quốc hội, Chính phủ Pháp, các tướng lĩnh và nhân Pháp, trực tiếp nói chuyện, đọc diễn văn, trả lời phỏng vấn bằng tiếng Pháp, nhằm ngăn ngừa chiến tranh, đem lại hoà bình cho hai dân tộc Việt - Pháp. Trong cuộc đời làm cách mạng giải phóng dân tộc, Người đã

viết hai tác phẩm lớn bằng tiếng Pháp, đó là Đông Dương (1923-1924), Bản án chế độ thực dân Pháp, hàng trăm bài báo, thư từ, báo cáo, đã viết thành công hơn hai mươi truyện ký, kịch. Nhiều bài báo, nhiều truyện ngắn hay, nhiều bức thư, nhiều tác phẩm chính trị có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, mang tính nhân văn sâu sắc. Có thể khẳng định việc Bác sử dụng tiếng Pháp để tạo lập các loại văn bản là nhiều nhất so với các ngoại ngữ khác. Tiếng Pháp là thứ tiếng cơ sở cho Bác học các ngoại ngữ khác như tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Đức, tiếng Ý, tiếng Tây Ban Nha và quốc tế ngữ Esperanto.

2.2. Bác Hồ học và sử dụng tiếng Anh

Tiếng Anh là ngoại ngữ thứ hai Bác học và sử dụng trong cuộc đời làm cách mạng. Trong những ngày làm phụ bếp, làm bồi bàn trên tàu đi xuyên các đại dương Bác có dịp đến châu Mỹ, đến nước Mỹ. Đến New York, Người đã ghi những dòng cảm nghĩ dưới chân tượng thần Tự Do : “ Ánh sáng trên đầu thần Tự Do toả rộng khắp trời xanh, còn dưới chân tượng thần Tự Do thì Người da đen đang bị chà đạp, số phận người phụ nữ bị chà đạp. Bao giờ người da đen được bình đẳng với người da trắng? Bao giờ có sự bình đẳng giữa các dân tộc? Và bao giờ người phụ nữ được bình đẳng với nam giới?”. Để có sự tự do cho người da đen, cho phụ nữ toàn thế giới Bác và toàn thể nhân loại phải làm cách mạng. Bác đã đến ở nhiều nơi trên đất Mỹ, khi Bác làm thuê trên những cánh đồng bông, cánh đồng nho, làm công trong khách sạn. Bác đã tự học tiếng Anh, ở khách sạn Boston, Bác đã học tiếng Anh từ Côlet, cô gái quốc tịch Mỹ gốc Pháp

sau này đã trở thành nhà văn lớn. Đến nước Anh năm 1914 với mục đích để học tiếng và tìm hiểu văn hoá, lịch sử nước Anh, nước Mỹ. Người làm thợ đốt lò rồi làm công tại khách sạn Carlton. Hàng ngày Bác phải làm việc từ 8 giờ sáng tới 12 giờ trưa, buổi chiều từ 5 giờ đến 10 giờ, phải tiết kiệm tiền để mua sách báo học tiếng, trả tiền 6 bài học tiếng Anh đầu tiên. Ngày nghỉ Bác đi học tiếng Anh với một giáo sư người Ý. Tranh thủ thời gian buổi sáng, buổi chiều ra vườn hoa Haydon, ngồi dưới cột đèn điện, trời lạnh công giúp chống lại buồn ngủ để học. Thời gian ở Anh đang là thời kỳ chiến tranh thế giới lần thứ I, Bác đã dành nhiều thời gian nghiên cứu lịch sử thế giới, các dân tộc và các nước thuộc địa. Bác đọc và sưu tầm nhiều tài liệu về nước Mỹ và nước Anh để hiểu sâu sắc về thế giới và về các cường quốc.

Nhờ có sự cố gắng vượt bậc, Bác đã học được tiếng Anh một thứ tiếng quan trọng và phổ biến của thế giới. Bác đã sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, để đọc sách báo, nghiên cứu tài liệu. Khi sang Liên Xô, làm công tác ở Quốc tế nông dân và Bộ Phương Đông, Bác đã sử dụng tiếng Anh để quan hệ với các nhà cách mạng, đọc tài liệu, viết rất nhiều bài báo, thư từ bằng tiếng Anh. Khi về Trung Quốc hoạt động, Bác tiếp tục đã sử dụng tiếng Anh để giao tiếp, viết và dịch tài liệu, thư tín liên lạc quốc tế. Thời gian bị chính quyền Hồng Công giam giữ, nhờ vào tiếng Anh Bác đã quan hệ với rất nhiều người Anh tiến bộ, cảm tình với cách mạng, trong đó có luật sư Lôđơbai đã tận tình giúp Người thoát khỏi nanh vuốt của thực dân Anh và Pháp.

Trở về nước, trong những

năm đầu ở Việt Bắc, Bác đã sử dụng tiếng Anh để liên lạc với các nước Đồng minh. Bác trực tiếp liên hệ với các lực lượng của Mỹ ở Vân Nam, Quảng Tây, Trùng Khánh Trung Quốc, tranh thủ sự giúp đỡ của họ như yêu cầu cung cấp vũ khí, huấn luyện bộ đội giúp chúng ta chuẩn bị lực lượng đánh Pháp, đuổi Nhật phát xít, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong Cách mạng Tháng Tám. Do Bác biết tiếng Anh nên Người đã tiếp nhận được tin tức từ đọc tài liệu, báo chí và trực tiếp nghe radiô nên đã nắm bắt được tình hình cụ thể về chiến tranh thế giới lần thứ II, đưa ra những nhận định, phán đoán đúng, chớp nhanh lấy thời cơ, tổng khởi nghĩa giành thắng lợi hoàn toàn, đỡ tổn thất máu xương nhất. Khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Bác đã viết nhiều thư bằng tiếng Anh cho Tổng thống Mỹ, Chính phủ Mỹ, Bộ ngoại giao Mỹ kêu gọi họ công nhận độc lập chủ quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và trong chiến tranh chống Mỹ xâm lược Bác vẫn sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, đọc tài liệu, báo chí nghe tin tức. Chúng ta phải thừa nhận Bác đã sử dụng tiếng Anh một cách thành thạo và vô cùng hữu ích cho Bác và cho sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

2.3. Bác Hồ học và sử dụng tiếng Nga

Khi đến Liên Xô, tháng 6 năm 1923 Bác mới bắt đầu tiếp xúc với tiếng Nga và học tiếng Nga. Nhờ có vốn tiếng Pháp và tiếng Anh nên Bác học tiếng Nga có phần thuận lợi hơn, nhanh hơn. Tại khách sạn quốc tế Axtoria ở

Leningrad, Bác học tiếng Nga từ những người đồng chí của mình. Hai ngày sau Bác đã dùng những câu nói thông thường bằng tiếng Nga. Sau đó Người đã tranh thủ học tiếng Nga, trong một điều kiện thuận lợi hơn về ăn ở, được tự do học tập, được vào trường Đại học Phương Đông học một cách bài bản, có giáo viên giảng dạy, hướng dẫn thực hành nghe, đọc, nói, viết. Do gần học tiếng Nga với công việc thường ngày, Bác tiến bộ rất nhanh đã viết các văn bản báo chí, tham luận, dịch thuật bằng tiếng Nga. Bác ở Liên Xô trong nhiều năm, tổng cộng hơn 6 năm (1923, 1924, 1927, 1934- 1938) và thời kỳ 1934- 1938, Người còn được học tập tại Trường Đại học Quốc tế Lênin, làm nghiên cứu sinh tại Viện nghiên cứu các vấn đề thuộc địa, làm luận án về Cách mạng ruộng đất ở các nước Đông Nam Á.

Về sử dụng tiếng Nga, Bác sử dụng tất nhiều trong giao tiếp, viết rất nhiều bài báo, bài tham luận, các bài nghiên cứu khoa học, các báo cáo bằng tiếng Nga, dịch tiếng Nga sang tiếng Việt, tiếng Trung... Do được học tập và ở nhiều năm tại Liên Xô, Bác rất giỏi tiếng Nga. Dù nhiều năm về nước lãnh đạo cách mạng Việt Nam giành thắng lợi trong Cách mạng Tháng Tám, đánh đuổi thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược, không sử dụng tiếng Nga thường xuyên, khi tiếp khách Nga hay đi thăm Liên Xô, Bác vẫn sử dụng tiếng Nga một cách thành thạo, nhiều lần còn sửa giùm cho các đồng chí phiên dịch, có những từ và thành ngữ khó các phiên dịch viên không nhớ thì Bác nói trực tiếp luôn.

Tiếng Nga là một ngoại ngữ Bác được học bài bản và sử dụng khá thành thạo. Tiếng Nga giúp

cho Bác tạo lập được mối quan hệ hữu nghị với Nhà nước Liên Xô, với Đảng Cộng sản và Chính phủ Liên Xô, nhân dân Liên Xô. Nhờ sự ủng hộ chí tình của Nhà nước Liên Xô, nhân dân Liên Xô, nhân dân Việt Nam đã hoàn thành công cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và tạo được cơ sở vững chắc tiến lên xây dựng đất nước ngày càng đổi mới, có uy tín, vị thế trên trường quốc tế, được nhân thế giới ngợi ca, cho dù Liên Xô không còn tồn tại.

2.4. Bác Hồ học và sử dụng tiếng Trung Quốc

Từ khi còn nhỏ Bác đã được học chữ Hán tại nhà, tại trường làng, sau này Bác vào Huế học vẫn tiếp tục học chữ Hán. Chữ vuông Hán là một thứ chữ tượng hình rất khó học. Bác là người có tư chất thông minh, lại chịu khó cần cù, được học trong nhiều năm nên Bác nắm rất chắc, có thể đọc hiểu các loại văn bản viết bằng chữ Hán. Nhờ biết chữ Hán, Bác đã học được tinh hoa của tư tưởng Nho học, của Phật giáo, của tư tưởng Việt Nam. Vì Bác không được học nói tiếng Trung nên không thể giao tiếp, đó là một thực tế, cần khắc phục. Điều đó đã được Bác trình bày với các đồng chí trong Quốc tế Cộng sản. Có một điều chúng ta tự hiểu, người như Bác nhất định sẽ tự học để hoàn thiện năng lực của mình. Hồi ở Pháp, ở Anh Bác đã quen nhiều thanh niên Trung Quốc như Lưu Thiếu Kỳ, Chu Ân Lai, Diệp Kiếm Anh... và ở Quốc tế Cộng sản, Bác còn làm việc với đồng chí Trương Thái Lôi, cán bộ của Trung ương Đảng Cộng Sản Trung Quốc, sau này có nhiều đồng chí trở thành những nhà lãnh đạo cách mạng Trung Quốc, những người bạn thân thiết của Chủ tịch Hồ Chí

Minh. Mặt khác, Bác đã xác định đường đi, con đường trước mắt là hướng tới Quảng Châu, hướng tới Việt Nam, Người không thể không học nói tiếng Trung để làm phương tiện giao tiếp, làm vũ khí bảo vệ mình.

Người đã từ Mát xơ va đi Vladimixtốc, một thành Phố viễn đông của nước Nga, đáp tàu đi Quảng Châu và đến Quảng Châu ngày 11 tháng 11 năm 1924. Bác làm việc trong phái đoàn của đồng chí Bôrôđin với tư cách là cố vấn, người phiên dịch riêng của Bôrôđin và kiêm nhiệm làm phóng viên hãng Rôxta. Khi ấy Bôrôđin làm cố vấn cho Bác sỹ Tôn Dật Tiên lãnh tụ của Quốc dân đảng Trung Quốc, đứng đầu chính phủ Quảng Châu. Ở Quảng Châu, Bác làm việc với nhiều đồng chí Trung Quốc, có thời gian Bác còn đi bán báo, bán thuốc lá, làm phiên dịch, dịch những tờ báo Trung Quốc ra tiếng Anh, nghiên cứu chính trị Trung Quốc, v.v...

Ở Quảng Châu Bác đã cải tổ Tâm tâm xã một tổ chức cách mạng Việt Nam, thành lập Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, được sự cộng tác của Đảng Cộng sản Trung Quốc, Bác đã tổ chức Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông, trong đó có người Việt Nam, Triều Tiên, Nam Dương v.v... Tại Quảng Châu, những hoạt động của Người về phương diện sử dụng ngôn ngữ, phần nhiều là bằng tiếng Trung Quốc, do vậy vốn tiếng Trung của Bác được phát triển và khá hoàn thiện về các kỹ năng nghe, đọc, nói, viết. Đặc biệt là kỹ năng nói, Bác dùng tiếng Trung để giao tiếp, quan hệ, tham luận, phát biểu, giảng lý luận trong các lớp học. Về viết, Bác đã viết báo

bằng tiếng Trung, phản ánh tình hình chính trị Trung Quốc, viết các bài diễn văn, tham luận, dịch thuật từ các văn bản tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Anh sang tiếng Trung và ngược lại.

Tháng 4, năm 1927, Tưởng Giới Thạch làm đảo chính phản cách mạng, phản công nông. Đảng Cộng sản Trung Quốc và các tổ chức cách mạng phải rút vào hoạt động bí mật. Các tổ chức cách mạng Việt Nam và những người cách mạng Việt Nam bị truy nã gắt gao. Bác phải rời Quảng Châu đi Thượng Hải và phải trở lại Liên Xô. Mùa thu năm 1928 Bác sang Xiêm (Thái Lan) hoạt động và cuối mùa đông năm năm 1929, Bác trở về Hương Cảng, Trung Quốc. Ngày 3 tháng 2 năm 1930, Bác và các đồng chí của mình đã thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Bác hoạt động ở Hương Cảng đến ngày 6 tháng 6 năm 1931 thì bị bọn cầm quyền Anh ở Hương Cảng bắt giữ. Nhờ có sự giúp đỡ của luật sư Lôđơbai, những người Anh tiến bộ và được sự giúp đỡ chí tình của những người cộng sản Trung Quốc, Bác đã thoát khỏi nhà tù, đi khỏi Hương Cảng trở về Liên Xô, về Mátxcova vào mùa hè năm 1934. Thời kỳ ở Hương Cảng lần thứ hai này, bọn đế quốc Anh, Pháp và các thế lực phản động, tay sai đã cấu kết với nhau, đàn áp, khủng bố cách mạng khủng khiếp nhất. Bác phải sử dụng cả ba ngoại ngữ Anh, Pháp, Trung rất hiệu quả còn hơn cả ba thứ vũ khí cầm tay để bảo vệ mình, thoát khỏi xiềng xích, thoát khỏi án tử hình.

Năm 1938, thế giới có nhiều biến động, Đức - Ý - Nhật tiến công nhiều nước, chiến tranh thế giới lần thứ II chuẩn bị bùng nổ. Bác đang làm nghiên cứu

sinh ở trường Đại học Quốc tế Lênin, đành phải ngừng để trở về nước lãnh đạo cách mạng đón thời cơ đang đến. Bác đi Trung Quốc về khu giải phóng Diên An, theo đoàn cố vấn quân sự của Đảng Cộng Sản Trung Quốc đi làm nhiệm vụ hợp tác với Quốc dân đảng. Bác về Vân Nam, Quảng Tây tìm cách bắt liên lạc với tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và đến tháng 1 năm 1941, Bác đã trở về Pắc Pó, Cao Bằng. Tại Pắc Pó Người triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ Tám đưa ra đường lối cách mạng giải phóng dân tộc trong tình hình mới, thành lập Mặt trận Việt minh, thành lập các lực lượng vũ trang để đánh Nhật - Pháp, chuẩn bị Tổng khởi nghĩa. Tháng 8, năm 1945, khi thời cơ cách mạng đến, toàn dân Việt Nam đã anh dũng đứng dậy giành chính quyền về tay mình và lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

Thời kỳ này, Bác sử dụng vốn tiếng Trung hiện đại và cả tiếng địa phương Quảng Tây, Quảng Đông một thứ tiếng mà Bác tự học để giao tiếp hàng ngày. Bác đã viết nhiều bài báo, nhiều báo cáo bằng tiếng Trung, dịch Phép dùng binh của Tôn Tử nhà lý luận quân sự nổi tiếng Trung Hoa thời cổ và dịch cuốn Lịch sử Đảng Cộng Sản Liên Xô từ tiếng Hán sang tiếng Việt. Sau đó trong một chuyến đi Trung Quốc, Bác bị nhà cầm quyền Tưởng Giới Thạch giam giữ hơn một năm ở Quảng Tây, Bác đã viết 134 bài thơ bằng chữ Hán, ghi trong tập mang tên Nhật ký trong tù rất nổi tiếng, được đánh giá cao, được in, được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới. Điều quan trọng mà bất kỳ ai cũng phải công nhận, bằng tiếng Trung, Bác đã tạo lập được mối quan

hệ hữu nghị với Đảng Cộng sản và nhân dân Trung Quốc; mối quan hệ thân thiện ban đầu với nhà nước Trung Hoa dân quốc, tránh được xung đột khi Hoa quân nhập Việt tước khí giới của bọn phát xít Nhật đầu hàng Đông minh trong những năm 1945 và 1946, từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc. Tạo ra thời cơ, thời gian thuận lợi cho chúng ta xây dựng lực lượng chuẩn bị đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược của bọn thực dân Pháp trên phạm vi toàn quốc.

Bác đã sử dụng tiếng Trung hầu như suốt cả cuộc đời. Khi nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa được thành lập từ năm 1949, Bác sử dụng tiếng Trung để tiếp tục thiết lập mối quan hệ hữu nghị với Nhà nước, Đảng Cộng sản và nhân dân Trung Hoa. Bác Hồ nhiều lần sang thăm hữu nghị Trung Quốc, quan hệ thân thiết với nhiều nhà lãnh đạo cao cấp của Đảng Cộng sản và Nhà nước Trung Quốc. Bác dùng tiếng Trung để nói chuyện với nhân dân nhiều nơi ở Trung Quốc, thăm và nói chuyện thân mật với nhiều đoàn chuyên gia, tiếp đón các phái đoàn của Trung Quốc sang thăm Việt Nam. Về văn học nghệ thuật, Bác còn dùng chữ Hán để làm thơ, từ năm 1942 đến năm 1968, ngoài tập Nhật ký trong tù Bác làm 16 bài thơ chữ Hán nữa, tổng cộng cả thảy là 150 bài. Các bài thơ ấy đều có giá trị lịch sử, nội dung tư tưởng và nghệ thuật. Tóm lại, dấu ấn ngôn bản tiếng Trung của Bác rất sâu sắc, đậm nét, chứng tỏ việc sử dụng tiếng Trung của Bác rất thành thạo và siêu việt.

2.5. Bác Hồ học và sử dụng các ngoại ngữ khác

Trong cuộc đời làm cách mạng của Bác, vì mục đích giao tiếp, tiếp nhận và truyền

bá thông tin. Đi đến nước nào Bác đều giành thời gian học tiếng, qua Tây Ba Nha, Ả Rập, đến Ý, Đức, Bác đều chú ý học tiếng nói và cảm nhận về tiếng nói của dân tộc đó. Thời kỳ sang Thái Lan (Xiêm), Bác học tiếng Thái để làm dân vận và để tuyên truyền cách mạng. Thời kỳ ở Anh 1914- 1917 Bác còn tự học cả quốc tế ngữ F speranto. Những thứ tiếng trên Bác học nhằm mục đích giao tiếp trực tiếp, hoặc Bác dùng để chung sống, quan hệ xã giao, Bác không để lại, hoặc để lại rất ít dấu ấn ngôn bản, cho nên chúng ta khó có thể đánh giá mức độ nhận thức và kỹ năng. Do hoàn cảnh và nhiệm vụ hoạt động, Bác Hồ đã đi đến 28 nước trên thế giới, quan hệ quen biết với rất nhiều người thuộc nhiều dân tộc khác nhau, Người đã học được rất nhiều thứ tiếng, không phải 12, 14, hay 24 mà có thể nhiều hơn, không thể xác định được. Cũng như khi Bác về nước hoạt động, Bác học và nói được nhiều thứ tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam để sống hoà đồng, gần bó, đoàn kết, gây dựng niềm tin yêu, phấn đấu vì một mục đích cách mạng cao cả và tương lai tươi sáng.

3. Kết luận

Theo lời bà J. S tenson nhà sử học Mỹ phát biểu tại Đại hội đồng UNESCO năm 1990, Bác Hồ biết sành sỏi 12 thứ tiếng. Nguyên Phó Thủ tướng Vũ Khoan có thời gian làm phiên dịch tiếng Nga cho Bác nói rằng Bác biết 9 ngoại ngữ, trong đó thông thạo 4 ngoại ngữ. Ý kiến của đồng chí Vũ Khoan là có cơ sở cho rằng Bác thông thạo 4 ngoại ngữ, đó là tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga, tiếng Trung vì Bác còn để lại nhiều ngôn bản, gồm các văn bản nói và viết. Như trên chúng ta đã biết, Bác Hồ đã học và sử dụng bốn thứ tiếng đó

như thế nào. Người đời nay và người đời sau có thể trả lời rằng, Bác Hồ đã sử dụng thành thạo bốn thứ tiếng Pháp, Anh, Nga và tiếng Trung, trong đó tiếng Pháp và tiếng Trung là ở mức độ siêu việt, thể hiện ở tất cả các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết. Chỉ cần từng ấy thôi, chúng ta có thể đĩnh ninh khẳng định rằng Bác Hồ là một thiên tài ngoại ngữ.

Bác Hồ học và sử dụng ngoại ngữ suốt cuộc đời làm cách mạng. Cách học và sử dụng ngoại ngữ của Bác Hồ là bài học vô cùng quý giá cho chúng ta. Bí quyết thành công là phải có mục đích rõ ràng, kiên trì tự học trong mọi hoàn cảnh, có kế hoạch và quyết tâm cao, phấn đấu học tập suốt đời nhất định thành công. Ngày nay văn hoá ngôn ngữ đang là cầu nối giữa các dân tộc, các quốc gia, muốn hội nhập, muốn đi trước đón đầu vươn lên chiếm lĩnh nền kinh tế trí thức không thể không học ngoại ngữ. Chúng ta đang tiếp tục thực hiện Cuộc vận động học tập làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, thì việc học tập và sử dụng ngoại ngữ thật xuất sắc cũng là thiết thực làm theo tấm gương Bác Hồ vĩ đại. □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Dân Tiên, *Những mẩu chuyện về đời học tập của Hồ Chủ Tịch*, NXB Văn học, HN, 1990.
2. Hồng Hà, *Bác Hồ trên đất nước Lênin*, NXB Thanh niên, HN, 1990.
3. Sơn Tùng, *Búp sen xanh*, NXB Kim Đồng, HN, 1980.
4. J Stenson, *Hồ Chí Minh nhân cách thời đại, lời phát biểu của nhà sử học nữ người Mỹ, tại Đại hội đồng UNESCO*, 1990.
5. Nhiều tác giả, *Kỷ yếu hội thảo - Chủ tịch Hồ Chí Minh với các vấn đề giáo dục và khoa học*, Trường ĐH Ngoại ngữ và Tin học thành phố Hồ Chí Minh, năm 2009.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC MIỀN NAM GIAI ĐOẠN 1954 - 1975 CỦA VŨ HẠNH

Ths. Nguyễn Xuân Huy
Khoa KHXH & NV

TÓM TẮT

Sự nghiệp văn học của Vũ Hạnh cũng là một phần đáng quý của nền văn học Việt Nam hiện đại. Đề tài góp phần khẳng định lại một tài năng lý luận phê bình văn học thực sự, có những đóng góp rất đáng ghi nhận, cả về chiến đấu tính cũng như nghệ thuật tính. Trong lĩnh vực phê bình, Vũ Hạnh đã thể hiện một phong cách đa dạng, đầy tinh thần chiến đấu và lòng nhiệt tình... Vũ Hạnh đã góp phần ngăn chặn sự suy đồi của văn nghệ miền Nam 1954 - 1975.

1. MỞ ĐẦU

1.1. Tính cấp thiết của đề tài

Tên tuổi của gắn liền với sự phát triển của Phong trào Bảo vệ văn hoá dân tộc. Vũ Hạnh là nguồn cảm hứng lớn đối với những ai còn tha thiết với văn chương, còn mong mỏi giữ gìn vẻ đẹp của nghệ thuật. Chọn nghiên cứu tác giả này, chúng tôi nhằm:

- Ghi nhận và giữ gìn những thành tựu phê bình văn học của Vũ Hạnh để làm phong phú thêm bức tranh lịch sử của văn học dân tộc.

- Tổng kết hoạt động phê bình văn học của Vũ Hạnh để tìm hiểu sự vận động của dòng văn học hoạt động công khai trong các đô thị miền Nam.

- Nghiên cứu Vũ Hạnh sẽ mở ra cơ hội nghiên cứu toàn diện nền văn học. Từ đó, chúng ta có những bổ sung quan trọng về nội dung lý luận và nhận thức văn học sử cho các

giáo trình đại học và cao đẳng. Các vấn đề văn học trong giai đoạn này cũng sẽ được nhìn nhận lại trong sự đa dạng và đầy đặn hơn.

1.2. Mục tiêu nghiên cứu

Nhóm nghiên cứu xác định mục tiêu của đề tài là những công trình nghiên cứu văn học của Vũ Hạnh được viết từ 1954 đến 1975, trong đó chúng tôi tập trung giải quyết các vấn đề cơ bản: Những vấn đề nghiên cứu phê bình văn học, quan điểm phê bình, phong cách phê bình của Vũ Hạnh.

1.3. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp hệ thống
- Phương pháp lịch sử
- Phương pháp nghiên cứu thi pháp học lịch sử
- Các thao tác phân tích, so sánh - đối chiếu, phân loại

1.4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là những vấn đề nghiên

cứu phê bình các sáng tác văn học ở miền Nam 1954 - 1975 của Vũ Hạnh, khái quát và đánh giá sự nghiệp phê bình của tác giả để nhận diện những giá trị văn học. Bằng việc phân tích, đánh giá, chúng tôi hi vọng thấy được phần nào sự vận động của tư tưởng tác giả trong xu hướng chung của thời đại.

Đề tài giới hạn phạm vi nghiên cứu là các bài nghiên cứu, phê bình về văn học miền Nam của Vũ Hạnh được in thành sách hoặc đăng trên các tạp chí Sài Gòn trước 1975.

2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái quát về lý luận phê bình văn học miền Nam 1954 - 1975

Qua nghiên cứu cho ta thấy, tình hình kinh tế, chính trị miền Nam đã tác động sâu sắc đến đời sống chính trị và xã hội, trong đó có hoạt động lý luận phê bình và cũng là

nguyên nhân tạo ra sự phân hóa trong những người cầm bút ở Sài Gòn. Đội ngũ lí luận phê bình văn học cũng vậy. Có rất nhiều khuynh hướng thực sự chống đối nhau, tách biệt nhau, những hiện tượng li khai và đề kháng, những lí thuyết và chủ trương văn nghệ phủ nhận lẫn nhau ra đời.

Sự phân hóa của các khuynh hướng văn học đã dẫn đến sự ra đời của nhiều tờ báo, tạp chí với những quan điểm chính trị, xã hội khác nhau, thậm chí đối lập nhau như Văn, Bách khoa, Sáng tạo, Nghệ thuật, Khởi hành, Tin văn, Thời tập, Văn nghệ, Nghiên cứu văn học, Tư tưởng, Đại học, Mai, Đối diện, Ý thức, Trình bày... Đây cũng là cơ sở tạo nên sự khác biệt giữa các khuynh hướng lí luận phê bình.

Như vậy, lí luận phê bình văn học ở đô thị miền Nam hình thành và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử, văn hóa xã hội rất phức tạp. Sự biến động về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, tôn giáo... đã trở thành những tiền đề lịch sử - xã hội cơ bản tạo nên diện mạo lí luận phê bình văn học ở đô thị miền Nam 1954 - 1975, một nền lí luận phê bình phát triển đa dạng, phức tạp, bị phân hóa thành nhiều khuynh hướng với sự phân lập rõ nét về ý thức hệ và quan điểm nghệ thuật.

Trong bối cảnh đó, Vũ Hạnh đã tạo cho mình một thế đứng riêng, mạnh mẽ và cá tính. Các bài viết của ông không chỉ sắc sảo trong việc đánh giá mà còn có khả năng tấn công trực diện

vào bọn "ma cô", bọn "đi điếm" văn nghệ, công kích để bài trừ những nọc độc văn hoá, đồng thời không ngừng kêu gọi tư tưởng dân chủ tiến bộ, tinh thần nhân văn cao đẹp...

2.2. Phê bình về văn học miền Nam 1954 - 1975

Trong suốt mấy mươi năm (chủ yếu từ năm 1958 - 1965), nhà nghiên cứu đã để lại một di sản văn nghệ với chất lượng khá cao và tầm ảnh hưởng rộng rãi ở đủ các thể loại truyện, kịch, thơ và nghiên cứu phê bình (khoảng trên 60 bài).

2.2.1. Vũ Hạnh với những nhận định về truyện: Loại hình sáng tác này thể hiện một cách rõ ràng nhất khuôn mặt "nhọt nhọt, bơ phờ" của nền văn nghệ miền Nam suy kiệt sinh lực. Sự héo hắt ấy là hậu quả của quan điểm "chính trị chỉ huy văn nghệ". Cứ mỗi năm một lần ta lại thấy Vũ Hạnh buồn rầu tổng kết: "Suốt trong năm (...) không có tác phẩm nào phản ánh được thời đại, đánh dấu được xã hội chúng ta trong mấy năm nay về một khía cạnh rộng lớn nào". Những sáng tác văn chương đang dần xa lìa đời sống nhân sinh để tìm về cõi phù thế.

Nhìn vào các sáng tác hàng năm, Vũ Hạnh nhận thấy thể loại này tuy có sự biến động về số lượng, nhưng nội dung thì không hề thay đổi. Nhà phê bình thấy một số tác giả đã cố gắng ghi lại dấu ấn của mình như Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Thị Hoàng, Linh Bảo, Mộng Tuyết, Thu Vân, Nhật Tiến, Võ Phiến, Phan Văn

Tạo, Mặc Thu, Phạm Phạm, Nguyễn Thị Thụy Vũ... nhưng hầu hết những gì họ mang đến chỉ là "sự phiêu lưu trong cái thế giới chấp chờn nửa mộng, nửa thực" và "quá thiên về sự đẻo gọt hình thức, không cần cốt truyện, để đưa đến sự suy tưởng vô vấn, hư không...". Một số cây bút có "lướt" trên thực tại nhưng chỉ là những thực tại đã đi vào quá vãng hoặc những vấn đề hết sức mơ hồ, vô định. Các nhà văn chỉ biết lục lọi dĩ vãng, tìm đến những khoảnh khắc nhất thời của tâm tư... và xem đó là sự phong phú, mới lạ của tác phẩm mình. Tệ hại hơn, những tác phẩm của số đông các nhà văn đã biến nghệ thuật thành những phòng "sâm" mênh mông, biến văn chương thành nơi tôn thờ xác thịt, "nơi phơi bày những gì sa đoạ của những con người không còn lương tri, sống trong nhịp điệu tan nát của những tín hiệu đổ vỡ".

Trong các sáng tác được coi là tiến bộ của miền Nam, Vũ Hạnh đặc biệt lưu ý đến bộ ba tác phẩm của Đỗ Thúc Vịnh là Di Mơ (1959), Mùa áo ảnh (1963) và Những người đang tới (1964). Ba tác phẩm xuất hiện trong những bối cảnh khác nhau, nhưng nhìn chung phần nào đã phản ánh được tâm trạng của một lớp người có lòng nhiệt tình nhưng lại thiếu hẳn niềm tin. Chúng là một chặng đường tư tưởng của Đỗ Thúc Vịnh. Vũ Hạnh thấy ở đây những trạng thái tâm lí không lối thoát, cố tìm một ý nghĩa cho hành động mình, nhưng

chỉ gặp những mâu thuẫn nhỏ bé, ngẫu nhiên, xa rời cuộc đời dân tộc... Họ miên man trong cõi cá nhân bản chất với vài ảo ảnh cuộc đời hoặc đôi khi cố vươn dậy với tiếng sùng của Những người đang tới... nhưng không đủ xoá đi những bi kịch từ chính nơi lòng họ.

Còn với Sơn Nam, Vũ Hạnh chú ý đến Chim quyên xuống đất và Hình bóng cũ ra đời vào những năm 1963-1964. Đây là hai tác phẩm đã bổ sung một cách đáng kể cho tư tưởng nghệ thuật Sơn Nam. Hai tác phẩm là hai khung giá trị khác nhau. Hiểu tác giả và tác phẩm, hiểu thời đại và nhân vật của Sơn Nam, nhà nghiên cứu thấy ở Chim quyên xuống đất có một sự “đuối sức” rất rõ ràng. Khi đi tìm mối liên hệ giữa cá nhân và cuộc đời trong tác phẩm, Vũ Hạnh chợt nhận ra “mỗi nhân vật Sơn Nam đi qua còn để lại một niềm hoang vắng mênh mê”, một sự cô độc, lạc lõng vô hạn giữa cuộc đời. Nhà văn đã thực hiện điều đó bằng “một nghệ thuật đơn giản và... lối kể chuyện linh hoạt, tự nhiên”, cùng với “tinh thần hài hước nhẹ nhàng...” đã mang lại cho tác phẩm ý nghĩa xã hội khá rõ rệt.

2.2.2. Vũ Hạnh với những nhận định về kịch: Ngành kịch miền Nam giai đoạn 1954 - 1975 cũng không có một dấu hiệu gì khả quan. Theo tổng kết của ông, năm 1959 “tuy con số ghi đến 186 vở, nhưng hầu hết là ca kịch dài ngắn trên các sân khấu cải lương”, còn thoái kịch thì “không có một

vở nào xuất hiện trong năm nay”. Năm 1962 nổi lên mấy vở Thành Cát Tư Hãn của Vũ Khắc Khoan và Người viễn khách thứ mười của Nghiêm Xuân Hồng với ý nghĩa xã hội khá rõ rệt nhưng lại phải ẩn nấp trong một khung cảnh xa xưa với ít nhiều giả tưởng. Nhưng hai tác phẩm đã ghi lại được những tâm tư u tối, bạc nhược của con người cá nhân trước bao nhiêu biến động của cuộc đời. Đó là một cuộc hành trình tư tưởng không có lối thoát, không một hi vọng, một niềm tin vào tương lai. Đây là hai tác phẩm lớn nhất và có lẽ nhờ chúng mà người ta còn nghĩ về ngành kịch miền Nam như một thể loại văn học.

Sau cuộc chính biến 1/11/1963 (đảo chính lật đổ Ngô Đình Diệm), ngành kịch lại trở về với sân khấu cũ của nó để song hành cùng với tiểu thuyết và thi ca. Suốt những năm 1964-1967, hầu như không có một vở nào mới mẻ trên sân khấu cũng như trên báo chí. Vũ Hạnh nhận xét: “Những kịch gia của chúng ta không còn gì đáng quan tâm hơn là cơ áo cùng những nhu cầu thiết thực”. Ca kịch tuột dốc, cải lương suy thoái, giới nghệ sĩ rơi vào tình trạng “rách bươm” thảm hại. Thoại kịch cũng thế. Mặc cho hi vọng, mặc cho những lời kêu gọi của nhà phê bình, kịch miền Nam vẫn đi xuống hàng ngày. Cho đến khi Mỹ mất hoàn toàn niềm tin vào cuộc chiến ở miền Nam thì ngành kịch chỉ còn lại là cái bóng của thực tại mà thôi.

2.2.3. Vũ Hạnh với những nhận định về thơ: Qua các bài tổng kết hàng năm, Vũ Hạnh đã cho thấy ít nhiều diện mạo tâm hồn của người miền Nam bằng việc tìm hiểu thơ ca. Giống như tiểu thuyết, thi ca cũng chứng tỏ sự bất lực của nó trên cả hai phương diện: Tình cảm và tư tưởng xã hội. Có những năm như 1959, “không có thi phẩm nào có sự cố gắng đáng ta lưu ý”. Trong nhiều năm sau, thi ca không gọi lên được một suy tư thế sự nghiêm túc nào mà chỉ là những “tâm sự lạc loài, cô đơn nhạt nhẽo...” (đó là những tác phẩm như Mây, Nhạc đẽ, Mưa gió sông Tương, Đau thương, Lang thang...). Nhiều tác phẩm chỉ biết bản khoán trong những “ngổ tối tâm hồn”, tìm về những rung động xưa cũ mà không hề nghĩ rằng, thời đại đã đi trước mình hơn nửa cuộc đời. Sở dĩ như vậy vì các thi sĩ của chúng ta không nhìn thấy nguồn cảm hứng từ thực tại. Và cõi sống cá nhân, dù đã bạc nhược lắm rồi, đã trở thành một “lối trốn nhiệm màu”. Sau 1963, thơ ca vẫn “ru” một điệu buồn năm xưa. Không còn hi vọng gì ở tương lai và ngán ngẫm trước thực tại, họ quay về với quá khứ ù dột để than khóc cho một dĩ vãng êm đềm, đẹp đẽ đã đi qua... và cố gắng chứng minh với độc giả rằng mình vẫn còn tồn tại trên cõi đời này, cho dù sự tồn tại ấy chẳng khác nào những bóng ma trong đêm dài.

Trong khung cảnh u tối ấy, Vũ Hạnh chú ý đến tập Từ Thức của thi sĩ Đoàn Thêm

(1959), Người yêu tôi khóc của Thế Viên (1959) và Trăng treo đầu súng của Tường Linh (1959). Nhưng nhìn chung, theo Vũ Hạnh, những tác giả này mặc dù đã thể hiện được đội nét tinh tế của mình trong việc cảm nhận đời sống nhưng chừng đó là không đủ để các thi sĩ đem đến cho độc giả một niềm tin tưởng về nền thơ ca đương thời.

2.2.4. Vũ Hạnh với các công trình nghiên cứu - tuyển chọn... Đây là những bài phê bình có ý nghĩa quan trọng vì nó thể hiện trực tiếp thái độ, tư tưởng của nhà nghiên cứu trong hoạt động chống lại sự suy đồi trong văn nghệ.

Cuốn Thi nhân Việt Nam hiện đại (NXB Khai Trí - 1959) được Vũ Hạnh giới thiệu là một tập thi tuyển "to dày" và công phu của Phạm Thanh. Nhà nghiên cứu xem "tập thi tuyển của ông Phạm Thanh như là dấu hiệu của một sự loạn lạc trong văn nghệ". Từ đó, ông coi nhiệm vụ "tiểu trừ thi phẩm này là một nhiệm vụ vô cùng cần kíp như sự tiểu trừ phiến loạn" (13).

Vũ Hạnh phê bình tư tưởng của kẻ biên soạn cuốn sách đã mất hết "thể diện", đổi trắng thay đen, "chuốc lục tô hồng" nhằm để cao các "thi sĩ" thì ít mà vì mục đích kinh tế thì nhiều. Khi tuyển chọn, ông Phạm Thanh đã vô tình hay cố ý "dọn" cho những kẻ không đáng được gọi là thi sĩ "một chỗ ngồi êm đẹp". Chính họ đã cùng với ông Phạm Thanh gây ra một sự "mô phỏng nhầy nhụa". Họ vô tình đã trình diễn

cho ta thấy những khuôn diện bạc nhược của nghệ thuật. Họ làm thơ cốt để trang điểm cho tinh thần, nhưng sự trang điểm ấy không lấy tình tự dân tộc làm giải pháp mà lại tìm về những bản năng thấp hèn. Và người tăng bốc họ lên chính là kẻ "chủ sự" cho những dịch họa khôn lường sắp tới. Có thể coi bài điểm sách này như một cuộc tấn công trực diện vào nhóm trí thức miền Nam vốn tự coi hoặc nhờ người khác nâng lên để thành những văn nghệ sĩ và cả những kẻ đứng đằng sau cổ vũ.

Sau khi đã phá Phạm Thanh, Vũ Hạnh tiếp tục phê bình bài thuyết trình Viễn tượng văn nghệ miền Nam của Trần Thanh Hiệp khi ông này trình bày ở Câu lạc bộ văn hoá (1960). Bài phê bình tập trung phê phán một thuyết trình viên thiếu tinh thần trách nhiệm và với nhiều lập luận thiếu sót và sai lầm... Ông cho rằng tác giả của bài thuyết trình chỉ có mô lý thuyết thuần túy mà không hề thấy được đời sống văn nghệ. Từ đó, Vũ Hạnh phủ nhận hoàn toàn quan điểm "văn nghệ miền Nam không có quá khứ" và coi đây là một nhận thức không thể chấp nhận được. Ông Hiệp đã "tách rời miền Nam khỏi cái truyền thống tinh thần dân tộc... cô lập miền Nam thành một thế giới riêng biệt không có lịch sử". Cổ vũ cho điều đó, người bạn của ông Trần Thanh Hiệp là ông Mai Thảo - Chủ nhóm Sáng Tạo, kêu gọi một nền văn học "choá loà cái mới, tuyệt đúng, tuyệt đẹp", và chủ

trương, "đoạn tuyệt với nền văn học với những ám ảnh và những tàn tích của quá khứ...". Cả ông Hiệp và những bạn bè của ông đã đánh mất lịch sử, đánh mất mình, nói cách khác là tự phủ nhận chính mình...

Còn Viết và đọc tiểu thuyết (NXB Trí Đăng - 1962) là chút kinh nghiệm làm văn mà Nhất Linh gửi lại cho đời. Nhưng bản thân cuốn biên khảo không cứu vãn được sự lụi tàn trong con người tác giả vì chính nó không mang được giá trị "chỉ đường" thật sự.

Vũ Hạnh chỉ rõ, sai lầm lớn nhất của Nhất Linh trong cuốn sách này là quan niệm về tiểu thuyết. Nhất Linh đưa ra một định nghĩa mà tính chất mơ hồ trong nhận thức luận còn đi xa hơn khi ông tìm hiểu về đối tượng sáng tác: "Một cuốn sách hay phải có giá trị trong không gian và thời gian". Nhất Linh không hiểu rằng lấy không gian và thời gian làm giá trị là ông đã cho tác phẩm một giới hạn lịch sử. Sự thực, nó chỉ có giá trị đối với người "ham chơi đồ cổ" mà thôi. Quan điểm của Nhất Linh đã gián tiếp thừa nhận quan điểm "nghệ thuật thấp ngà", nghĩa là ngồi yên một chỗ để mà suy tưởng ruột gan thiên hạ.

Ngoài ra, Vũ Hạnh còn phê bình cuốn Ki niệm văn thi sĩ hiện đại của Bàn Bá Lân (1962), cuốn Lược khảo văn học I của Nguyễn Văn Trung (1962)... Ở bài nào ông cũng thể hiện được sự tinh tế và cần mẫn của mình và tạo được niềm tin trong lòng quần chúng. Nhờ vậy, Vũ Hạnh không những đã

thực hiện được mục tiêu chính trị mà còn góp phần làm lành mạnh hoá nền văn nghệ, thúc đẩy văn nghệ miền Nam phát triển theo chiều hướng tiến bộ hơn.

2.3. Đặc sắc của phong cách phê bình Vũ Hạnh

2.3.1. Tinh thần nghiên cứu trung thực và khách quan

Trong các vấn đề văn học, Vũ Hạnh luôn tôn trọng sự trung thực của các hiện tượng. Lấy khách quan để duy trì sự trung thực và sự trung thực nâng cao tinh thần khách quan khoa học, Vũ Hạnh đã đem lại cái nhìn tương đối toàn diện về các vấn đề văn học.

Tinh trung thực trong nghiên cứu còn được thể hiện ở việc ông luôn chú trọng đến các hiện tượng chính của sinh hoạt văn nghệ như: Hiện trạng văn chương, báo chí, biên khảo, dịch thuật...

2.3.2. Năng lực hệ thống hoá các vấn đề văn học một cách khoa học

Vũ Hạnh không chỉ có năng lực hệ thống lại toàn bộ các sáng tác phẩm và sinh hoạt văn nghệ trong năm mà còn khám phá tính chính thể trong một tác phẩm văn học cụ thể.

Trong những lời nhận xét khái quát của ông bao hàm một dung lượng lớn các yếu tố trong hệ thống, từ nội dung đến hình thức thể loại và sinh hoạt của nó... Vì thế, những nhận định của ông có một tầm bao quát rộng lớn.

Nhưng đáng nói hơn là năng lực tổ chức một bài điểm sách. Chúng không đơn thuần chỉ là một bài định giá tác

phẩm mà là sự khám phá vào cấu trúc của hệ thống tác phẩm với những vận động nghệ thuật tinh vi của nó.

2.3.3. Ngòi bút phê bình trực diện, mạnh mẽ và kịp thời

Trước trào lưu tư tưởng vong bản và cuồng loạn, Vũ Hạnh đã cất lên tiếng nói thẳng thắn, trực diện và kịp thời nhằm lên án và kêu gọi những người có lương tâm và có nhiệt tình với nghệ thuật phải bày tỏ thái độ quyết liệt của mình.

Các bài tổng kết hàng năm, không ít thì nhiều đều tỏ rõ một thái độ không hề khoan nhượng, không hề e sợ đối với những loại văn hoá phẩm đội lốt nghệ thuật.

2.3.4. Ngòi bút sâu sắc và nhạy cảm với các vấn đề văn học

Ngòi bút Vũ Hạnh không chịu dừng lại ở những phát hiện về nhân vật và thế giới nghệ thuật mà luôn luôn hướng tới những khám phá về đời, tìm kiếm những giới hạn của chiều sâu tác phẩm. Phê bình không chỉ để đánh giá tác phẩm mà còn đánh giá con người để từ đó tự "làm mới" chính mình. Trong các công trình nghiên cứu phê bình văn học của mình, Vũ Hạnh đã sớm xác định cho mình một phương thức thể hiện riêng, mang đậm dấu ấn cá nhân. Ta có thể thấy trong ngôn ngữ phê bình của ông, đã bộc lộ một thái độ thẳng thắn và giàu cảm xúc. Đó là một hệ thống ngôn ngữ giàu sắc thái.

Sự phê bình, vì thế, đã có được sức sống nội tại, sức sống từ một tâm hồn tràn trề nhiệt

tình và một ý thức nghệ thuật sâu sắc.

2.4. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của kết quả nghiên cứu

Thực hiện đề tài này, nhóm nghiên cứu đã thu được những kết quả khả quan:

- Trình bày và phân tích nội dung phê bình của Vũ Hạnh trong các bài nghiên cứu, phê bình các hiện tượng văn học đương thời.

- Khái quát và phân tích quan điểm, lập trường phê bình của tác giả nhằm định tính các giá trị nghệ thuật trong phê bình lý thuyết.

- Phân tích và lí giải những nét đặc sắc của phong cách phê bình Vũ Hạnh.

- Thấy được diện mạo tinh thần của nhà văn trong sự vận động của tiến trình văn học nước nhà.

3. KẾT LUẬN

Vũ Hạnh đã góp phần ngăn chặn sự suy đồi của văn nghệ, đóng lên hồi chuông cảnh tỉnh với những người cầm bút còn đang "nhận đường" hãy nhìn rõ "lối đi". Tuy nhiên ông cũng không bỏ qua những công trình nghệ thuật có mục đích chân chính và những thái độ chân thành thực sự. Vì thế, ta được gặp trong những bài điểm sách của Đỗ Thúc Vịnh, Sơn Nam, Vũ Khắc Khoan, Nghiêm Xuân Hồng... một người luôn thao thức cùng với trang viết, hoặc có thể thấy một tâm hồn thiết tha, nhạy cảm với những nhận định sâu sắc về con người và tác phẩm. □